

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Bùi Thị Thu Hương
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Trần Thị Thanh Phương

HẢI PHÒNG - 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TNHH THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN KIM LỘ**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Bùi Thị Thu Hương
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Trần Thị Thanh Phương**

HẢI PHÒNG – 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Bùi Thị Thu Hương

Mã SV: 1312401063

Lớp: QT1901K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và giao
nhận Kim Lộ.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (Về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- ✓ Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- ✓ Tìm hiểu thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ.

- ✓ Đánh giá ưu, khuyết điểm cơ bản trong tổ chức công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ nói riêng làm cơ sở đề đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- ✓ Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- ✓ Quy chế, quy định về kế toán - tài chính tại doanh nghiệp

- ✓ Hệ thống sổ sách kế toán liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ, sử dụng số liệu năm 2017 phục vụ công tác.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ

➤ Địa chỉ: Số 66 Lê Thánh Tông – Ngô Quyền – Hải Phòng.

➤ Văn phòng giao dịch: Tầng 3- Tòa nhà Sao Đỏ- số 1B đường bao Trần Hưng Đạo – Hải An – Hải Phòng.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	3
1.1. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	3
1.1.1.Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ..	3
1.1.2Một số vấn đề cơ bản về doanh thu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	4
1.1.2.1. Khái niệm và phân loại doanh thu:.....	4
1.1.2.2. Các khoản giảm trừ doanh thu:	5
1.1.3. Một số vấn đề cơ bản về chi phí trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	6
1.1.4.Xác định kết quả hoạt động kinh doanh	10
1.1.5Các phương thức bán hàng và thanh toán trong doanh nghiệp	12
1.2 Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	13
1.2.1 công tác kế toán doanh thu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	13
1.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	13
1.2.1.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	17
1.2.1.3. Kế toán thu nhập khác	20
1.2.2. Kế toán chi phí trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	24
1.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán	24
1.2.2.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính.....	29
1.2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	31
1.2.2.4 Kế toán chi phí khác	35
1.2.3.Kế toán xác định kết quả kinh doanh	36
1.3. Các hình thức kế toán trong doanh nghiệp	40
1.3.1. Hình thức kế toán nhật ký chung	40
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái	41
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	42
1.3.4.Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	43
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN KIM LỘ.	45

2.1. Giới thiệu về công ty TNHH Thương mại và giao nhận Kim Lộ.	45
2.1.1. <i>Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Thương mại và giao nhận Kim Lộ.</i>	45
2.1.2. <i>Tổng quan về tình hình nhân sự của công ty.</i>	46
2.1.3. <i>Tổng quan về lĩnh vực hoạt động của công ty</i>	47
2.1.4. <i>Những thuận lợi, khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động.</i>	48
2.1.5: <i>Hệ thống tổ chức của công ty</i>	48
2.1.6. <i>Đặc điểm chính sách và phương pháp kế toán công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ áp dụng</i>	50
2.2. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và giao nhận Kim Lộ	51
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH Thương mại và giao nhận Kim Lộ.....	51
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thương Mại và Giao Nhận Kim Lộ.....	57
2.2.3.. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại và Giao Nhận Kim Lộ.....	62
2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí tài chính tại Công ty TNHH Thương Mại và Giao Nhận Kim Lộ.....	67
2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại và Giao nhận Kim Lộ.....	71
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN KIM LỘ	80
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và giao nhận Kim Lộ.	80
3.1.1. <i>Đánh giá chung</i>	80
3.1.2. <i>Ưu điểm của công tác kế toán tại công ty.</i>	80
3.1.3. <i>Nhược điểm của công tác kế toán tại công ty.</i>	82
3.2. một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ .	83
3.2.1. <i>Nguyên tắc của việc hoàn thiện.</i>	83
3.2.2. <i>Giải pháp hoàn thiệncông tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ</i>	83
3.2.2.1 <i>Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán</i>	83

3.2.2.2 <i>Trích lập dự phòng phải thu khó đòi</i>	85
3.2.2.3. <i>Sử dụng phần mềm kế toán</i>	91
KẾT LUẬN	95

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16
Sơ đồ 1.2: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	17
Sơ đồ 1.3: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	20
Sơ đồ 1.4: Kế toán thu nhập khác	23
Sơ đồ 1.5: Kế toán giá vốn hàng bán	28
Sơ đồ 1.6: Kế toán chi phí tài chính.....	31
Sơ đồ 1.7: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	34
Sơ đồ 1.8: Kế toán chi phí khác	36
Sơ đồ 1.9: Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	37
Sơ đồ 1.10: Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp	39
Sơ đồ 1.11: Lợi nhuận chưa phân phối	40
Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung	41
Sơ đồ 1.13 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.....	42
Sơ đồ 1.14 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	43
Sơ đồ 1.15 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính	44
Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức tại Công ty TNHH Thương Mại và Giao nhận Kim Lộ	48
Sơ đồ 2.2: Cơ cấu tổ chức phòng kế toán tại Công ty TNHH Thương Mại và Giao nhận Kim Lộ	49
Sơ đồ 2.3: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH TM và Giao nhận Kim Lộ	52
Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH TM và Giao nhận Kim Lộ	57
Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH TM và Giao nhận Kim Lộ	62
Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH TM và Giao nhận Kim Lộ.	67
Sơ đồ 2.7. Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ	71
SƠ ĐỒ 3.1. Sơ đồ tự hạch toán dự phòng phải thu khó đòi theo tt 133.....	88

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT HD 0002010.	53
Biểu số 2.2: Trích Bảng kê số 01/12.....	54
Biểu số 2.3. Trích sổ Nhật Ký Chung.....	55
Biểu số 2.4: Trích Sổ cái TK 511	56
Biểu số 2.5: Trích Sổ cái TK 154	58
Biểu số 2.6: Phiếu kế toán số 18.....	59
Biểu số 2.7. Trích sổ nhật ký chung.....	60
Biểu số 2.8: Trích Sổ cái TK 632.	61
Biểu số 2.9: Hoá đơn GTGT số 0000092.....	63
Biểu số 2.10: Phiếu chi số14	64
Biểu số 2.11: Trích sổ nhật ký chung	65
Biểu số 2.12: Trích sổ cái TK642	66
Biểu số 2.13: Giấy báo có của ngân hàng Công thương Hải Phòng.	68
Biểu số 2.14: Trích sổ Nhật ký chung.....	69
Biểu số 2.15: Trích Sổ cái TK 515	70
Biểu số 2.16. Phiếu kế toán số 19.....	72
Biểu số 2.17: Phiếu kế toán số 20.....	72
Biểu số 2.18: Phiếu kế toán số 21.....	73
Biểu số 2.19: Phiếu kế toán số 22.....	73
Biểu số 2.20: Phiếu kế toán số 23.....	74
Biểu số 2.21 Trích sổ nhật ký chung.....	75
Biểu số 2.22. Trích sổ cái TK911	76
Biểu số 2.23: Trích sổ cái TK821	77
Biểu số 2.24: Trích sổ cái TK421	78
Biểu số 2.25.Trích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	79
Biểu số 3.1 Báo cáo tình hình công nợ năm 2017	89
Biểu số 3.2 Bảng trích lập dự phòng năm 2017	90

LỜI MỞ ĐẦU

Cùng với xu hướng hội nhập của toàn thế giới, đất nước ta từng bước đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước với xu thế hội nhập và phát triển. nền kinh tế thị trường đã mang lại cơ hội, thách thức lớn cho các doanh nghiệp đồng thời mang lại những lợi ích cho người tiêu dùng. Các doanh nghiệp muốn tồn tại thì phải tìm được các phương thức sản xuất kinh doanh phù hợp với sản phẩm của mình để có thể cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu của thị trường. chính vì vậy kế toán được sử dụng như là một công cụ quản lý để thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về tình hình tiêu thụ trên thị trường đồng thời đánh giá cấu trúc thị trường, giúp cho các nhà quản lý đề ra các quyết định đúng đắn và có hiệu quả trong sản xuất, tiêu thụ và đầu tư nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững.

Trong quá trình thực tập tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại và giao nhận Kim Lộ em đã quyết định chọn đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ”** cho bài khóa luận của mình. Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung khóa luận của em gồm 3 chương như sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân lập Hải Phòng, đặc biệt là sự hướng dẫn tận tình của cô giáo **Thạc sỹ Trần Thị Thanh Phương**. Đồng thời em xin cảm ơn sự giúp đỡ của Ban lãnh đạo và tập thể nhân viên phòng kế toán Công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ đã tạo điều kiện để em hoàn thành bài khóa luận này.

Do thời gian và kiến thức còn hạn chế nên bài viết này không thể tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Bùi Thị Thu Hương

CHƯƠNG 1**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ****1.1. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.****1.1.1 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

- Để quản lý một cách tốt nhất đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, không phân biệt doanh nghiệp đó thuộc thành phần nào, loại hình nào, loại hình sở hữu hay lĩnh vực hoạt động nào đều phải sử dụng đồng thời hàng loạt các công cụ khác nhau, trong đó kế toán được coi là một công cụ hữu hiệu. Đặc biệt trong nền kinh tế thị trường, kế toán được sử dụng như một công cụ đắc lực không thể thiếu đối với mỗi doanh nghiệp nhằm đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý tình hình tiêu thụ hàng hoá của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ bán ra.
- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu và giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh trong kì.
- Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác.
- Theo dõi chi tiết các tài khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí từng hoạt động của doanh nghiệp.
- Cuối kỳ kết chuyển doanh thu và chi phí hợp lý vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh và các khoản phải nộp Nhà nước. Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, trung thực và đầy đủ về kết quả hoạt động kinh doanh để phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và quản lý doanh nghiệp.

- Định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định kết quả kinh doanh, tham mưu cho ban lãnh đạo để đưa ra các quyết định tài chính cho doanh nghiệp.

1.1.2 Một số vấn đề cơ bản về doanh thu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.1.2.1. Khái niệm và phân loại doanh thu:

Khái niệm:

- **Doanh thu:** Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Phân loại:

- Phân loại doanh thu bao gồm:

❖ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và chi phí thêm ngoài giá bán (nếu có).

❖ Doanh thu bán hàng nội bộ:

- Là doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp, là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

❖ Doanh thu hoạt động tài chính:

- Là doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản thu bao gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay; lãi tiền gửi; lãi bán hàng trả chậm; trả góp; lãi đầu tư trái phiếu....

- Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản (bằng sáng chế, nhãn mác thương mại...)

- Cổ tức, lợi nhuận được chia..
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán.
- Thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng.
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng, vốn.

❖ Thu nhập khác

- Thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ.
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng.
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường.
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước.
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập.
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại.
- Các khoản thu khác.

1.1.2.2. Các khoản giảm trừ doanh thu:

❖ Chiết khấu thương mại

- Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn theo sự thỏa thuận giữa người mua và người bán được ghi chép trong hợp đồng

❖ Giá trị hàng bán bị trả lại

- Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do vi phạm một trong số những nguyên nhân sau:

- Vi phạm cam kết
- Vi phạm hợp đồng kinh tế
- Hàng bị mất
- Hàng kém phẩm chất
- Không đúng chủng loại

- Không đúng quy cách như đã ghi chép trên hợp đồng kinh tế
- Khi doanh nghiệp ghi nhận giá trị hàng bán bị trả lại cần đồng thời ghi giảm tương ứng giá trị vốn hàng bán trong kỳ

❖ Giảm giá hàng bán

- Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

❖ Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp

- Thuế tiêu thụ đặc biệt là một loại thuế gián thu, thu trực tiếp vào hành vi sản xuất, nhập khẩu các loại hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và hành vi kinh doanh các dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là những hàng hóa, dịch vụ không thật sự cần thiết cho nhu cầu tiêu dùng hằng ngày của con người và có những tác hại nhất định đến người sử dụng, môi trường, xã hội.

- Là loại thuế gián thu, thu vào các loại hàng hóa được phép xuất, nhập khẩu qua biên giới Việt Nam, độc lập trong hệ thống pháp luật thuế Việt Nam và các nước trên thế giới.

- Mục đích quan trọng của thuế xuất nhập khẩu là gì? Chính là bảo hộ nền sản xuất trong nước nhưng không thể áp dụng các biện pháp hành chính. Thuế xuất nhập khẩu chỉ thu một lần, áp dụng cho hàng hóa mậu dịch và phi mậu dịch

- Thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

GTGT của hàng hóa, dịch vụ = doanh số hàng hóa, _ giá vốn hàng bán,

Dịch vụ bán ra dịch vụ bán ra

1.1.3. Một số vấn đề cơ bản về chi phí trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

 Khái niệm

- Chi phí được định nghĩa như là giá trị tiền tệ của các khoản hao phí bỏ ra nhằm thu được các loại tài sản, hàng hóa hoặc các dịch vụ



Phân loại chi phí

- **Giá vốn hàng bán:** là giá trị tương ứng với lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán được của doanh nghiệp trong một khoảng thời gian nhất định
- **Chi phí sản xuất, kinh doanh:** phản ánh các chi phí liên quan đến quá trình quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.
 - **Chi phí bán hàng** là toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động tiêu thụ hàng hóa. Nó bao gồm các khoản chi phí sau:
 - Chi phí nhân viên bán hàng: các khoản tiền lương phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hóa, nhân viên vận chuyển hàng đi tiêu thụ và các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn
 - Chi phí vật liệu bao bì phục vụ cho việc đóng gói sản phẩm, bảo quản sản phẩm, chi phí nhiên liệu để vận chuyển sản phẩm, hàng hóa đi tiêu thụ, chi phí phụ tùng thay thế sửa chữa TSCĐ cho bộ phận bán hàng.
 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng phục vụ cho bộ phận bán hàng như các dụng cụ đo lường, bàn ghế, máy tính cá nhân ...
 - Chi phí khấu hao TSCĐ: Chi phí khấu hao TSCĐ dùng ở khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa trong thời gian quy định và bảo hành.
 - Chi phí bảo hành sản phẩm: Là các khoản chi phí bỏ ra để sửa chữa, bảo hành sản phẩm, hàng hóa trong thời gian quy định và bảo hành.
 - Chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bộ phận bán hàng như: chi phí điện, nước, điện thoại, chi phí sửa chữa TSCĐ, tiền thuê kho bãi, tiền thuê bốc vác vận chuyển hàng hóa đi tiêu thụ, chi phí hoa hồng phải trả cho đại lý các đơn vị nhận ủy thác xuất khẩu
 - Chi phí khác bằng tiền đã chi ra để phục vụ cho hoạt động bán hàng như: chi phí giới thiệu sản phẩm, hàng hóa, chi phí chào hàng, quảng cáo, chi phí tiếp khách cho bộ phận bán hàng, chi phí tổ chức hội nghị khách hàng, chi phí bảo hành sản phẩm...

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các khoản chi phí sau

- Tiền lương, các khoản phụ cấp, các khoản trích theo tiền lương phải trả cho cán bộ nhân viên làm việc ở các phòng ban trong doanh nghiệp.
 - Văn phòng phẩm, vật liệu, công cụ dùng cho công tác quản lý phục vụ và sửa chữa dùng chung cho toàn doanh nghiệp
 - Dụng cụ đo lường, thí nghiệm các loại máy văn phòng (không đủ tiêu chuẩn làm tài sản cố định).
 - Chi phí thuê văn phòng, khấu hao nhà làm việc, và Tài sản cố định dùng cho bộ phận quản lý trích vào chi phí
 - Các dịch vụ mua ngoài dùng cho công tác quản lý như: Tiền điện nước, sữa chữa tài sản cố định
 - Các khoản thuế, lệ phí phải nộp nhà nước như: Thuế đất, thuế môn bài, lệ phí giao thông.
 - Các khoản chi phí khác bằng tiền: Khánh tiết, hội nghị, công tác phí.
 - Các khoản dự phòng như: Dự phòng nợ phải thu khó đòi
 - Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ.
- Các khoản chi phí trên sẽ được theo dõi, quản lý chặt chẽ tiết kiệm và nó là chi phí được tính là hợp lý khi hạch toán xác định kết quả kinh doanh

❖ **Chi phí hoạt động tài chính**

- Là các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; các khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư khác; các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ ...

❖ **Chi phí khác**

• Là những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Chi phí khác của doanh nghiệp, gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ

- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát

- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ

- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có)

- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác

- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính

- Các khoản chi phí khác

❖ **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

- Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp

- Mục đích áp dụng chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp là nhằm:

- Tạo cho nhà nước một khoản thu gắn với hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp nói riêng và của toàn nền kinh tế nói chung

- Bao quát và điều tiết được các khoản thu nhập đã, đang và sẽ phát sinh của cơ sở kinh doanh hoạt động trong nền kinh tế thị trường.

- Thông qua ưu đãi về thuế suất, về miễn thuế, giảm thuế, khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào Việt Nam.

- Tạo sự công bằng giữa các doanh nghiệp trong sản xuất, kinh doanh, phù hợp với chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần và trong tiến trình hội nhập ở nước ta hiện nay.

- Thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế xác định như sau:

Thu nhập chịu thuế = Doanh thu – Chi phí được trừ + Các khoản thu nhập khác

- Thu nhập tính thuế được xác định theo công thức sau:

Thu nhập tính thuế = Thu nhập chịu thuế – (Thu nhập được miễn thuế + Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định)

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định theo công thức sau:

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất thuế TNDN

1.1.4.Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

- Kết quả kinh doanh là phần thu nhập còn lại sau khi trừ đi tất cả các chi phí. Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của mọi doanh nghiệp

- Xác định kết quả kinh doanh là so sánh chi phí bỏ ra và thu nhập đạt được trong cả quá trình kinh doanh. Nếu thu nhập lớn hơn chi phí thì kết quả là lãi, ngược lại kết quả kinh doanh là lỗ. Việc xác định kết quả kinh doanh thường được tiến hành vào cuối kỳ hạch toán

- **Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh** của doanh nghiệp bao gồm kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh; kết quả hoạt động tài chính; kết quả hoạt động bất thường.

❖ **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:** Là khoản chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trong một kỳ kế toán

Kết quả hoạt động KD = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán – Chi phí quản lý kinh doanh

Trong đó: Doanh thu thuần = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ – Các khoản giảm trừ doanh thu (chiết khấu, giảm giá, hàng bán bị trả lại, thuế TTDB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp).

❖ **Kết quả hoạt động tài chính:** Là chênh lệch giữa thu nhập từ hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

Kết quả kinh doanh từ hoạt động tài chính = Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí hoạt động tài chính

❖ **Kết quả hoạt động khác:** Là chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác với các khoản chi phí khác.

Kết quả kinh doanh khác = Thu nhập khác – Chi phí khác

❖ **Công thức xác định lợi nhuận của doanh nghiệp:**

- *Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ:*

Lợi nhuận gộp về bán hàng và
cung cấp dịch vụ = Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:

Lợi nhuận

thuần từ hoạt động kinh doanh = Lợi nhuận gộp + Doanh thu hoạt động tài chính - Chi phí tài chính - Chi phí quản lý kinh doanh

Lợi nhuận từ hoạt động khác:

Lợi nhuận từ hoạt động khác = Thu nhập từ hoạt động khác - Chi phí hoạt động khác

Lợi nhuận trước thuế:

Lợi nhuận trước thuế = Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận từ hoạt động khác

Lợi nhuận sau thuế TNDN:

Lợi nhuận sau thuế TNDN = Lợi nhuận trước thuế - Chi phí thuế TNDN

1.1.5 Các phương thức bán hàng và thanh toán trong doanh nghiệp

Các phương thức bán hàng

❖ **Bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp:** Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy, hay tại phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức coi là tiêu thụ.

❖ **Bán hàng theo phương thức Bán buôn:** Là phương thức bán hàng qua lô hoặc bán với số lượng lớn. Giá bán biến động tùy thuộc vào khối lượng hàng bán và phương thức thanh toán. Bán buôn gồm 2 phương thức: bán buôn qua kho và bán buôn xuất bán thẳng.

- Bán buôn hàng hóa qua kho: là phương thức bán hàng hóa, dịch vụ phải được xuất trực tiếp từ kho của mình. Với việc bán buôn qua kho, doanh nghiệp có thể giao hàng trực tiếp cho khách hàng tại kho hoặc chuyển hàng tới kho của bên mua hoặc địa điểm theo như hợp đồng.

- Bán buôn hàng hóa vận chuyển thẳng: là phương thức bán buôn mà sau khi mua hàng doanh nghiệp không nhập kho mà xuất bán thẳng cho bên mua.

❖ **Bán hàng theo phương thức Bán lẻ:** Là phương thức bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng hoặc các tổ chức kinh tế mang tính tiêu dùng. Bán lẻ thường bán đơn chiếc hoặc bán với số lượng nhỏ.

- Bán lẻ có nhiều hình thức thực hiện đa dạng hơn bán buôn. Cụ thể là:
 - * Bán lẻ thu tiền trực tiếp: là hình thức người bán hàng thu tiền ngay của KH.
 - * Bán lẻ tự phục vụ: KH mua hàng tự lấy hàng và đem ra bàn thanh toán. Các siêu thị phần lớn áp dụng hình thức này khá phổ biến.
 - * Bán hàng tự động: là việc DN thương mại sử dụng các máy bán hàng tự động để bán các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ của mình.

❖ **Bán hàng theo phương thức Phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng:** Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán, bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý

dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá. Số hàng hóa gửi đại lý vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, số hàng hóa này được xác định là tiêu thụ khi doanh nghiệp nhận được tiền do bên đại lý thanh toán hoặc thông báo số hàng đã bán được.

❖ **Bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng:** Doanh nghiệp dùng hàng hóa của mình để đổi lấy những mặt hàng thiết yếu mà công ty có nhu cầu. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa được cung ứng trên thị trường.

❖ **Bán hàng theo phương thức tiêu thụ nội bộ:** Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa dịch vụ giữa các đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một tổng công ty, một tập đoàn, một xí nghiệp.

❖ **Bán hàng theo phương thức trả góp, trả chậm:** Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền trả chậm phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua thì hàng được coi là tiêu thụ (về thực chất, người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua trả hết tiền).

Các phương thức thanh toán

- **Phương thức thanh toán trực tiếp:** Sau khi nhận được hàng mua, doanh nghiệp thương mại thanh toán ngay tiền cho người bán, có thể bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản

- **Phương thức thanh toán chậm trả:** : Doanh nghiệp đã nhận hàng nhưng chưa thanh toán tiền cho người bán. Việc thanh toán chậm trả có thể thực hiện theo điều kiện tín dụng ưu đãi theo thỏa thuận.

1.2 Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.2.1 Công tác kế toán doanh thu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

❖ Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, Giấy báo có của ngân hàng)
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất, kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:
 - * Bán hàng hóa: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư;
 - * Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động, doanh thu hợp đồng xây dựng....
 - * Doanh thu khác.

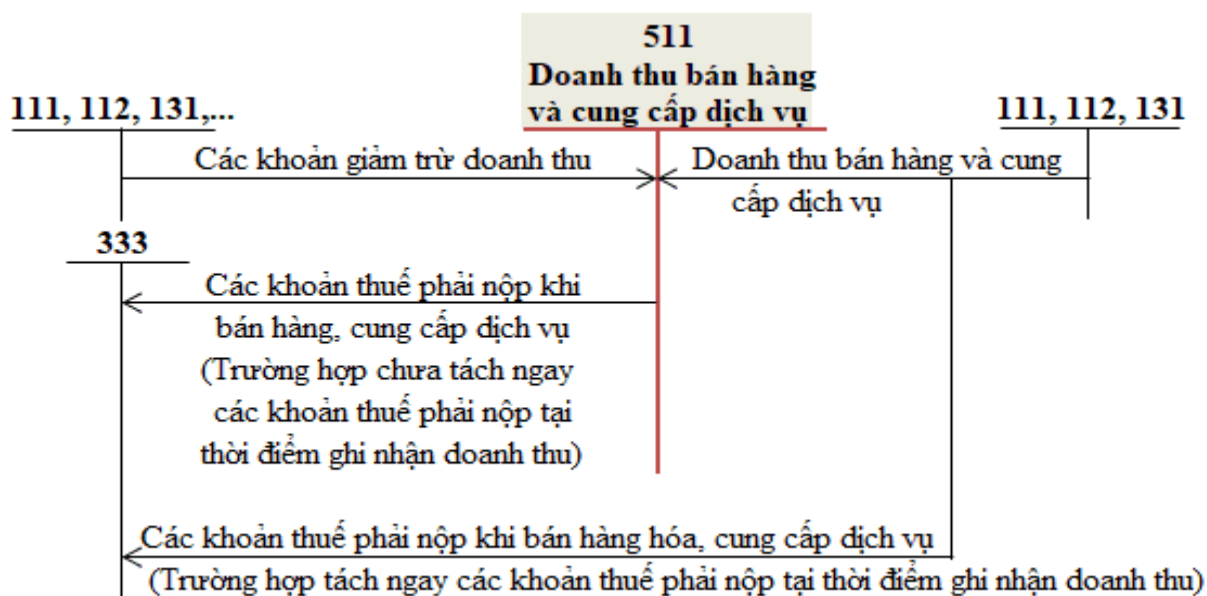
Các TK cấp 2:

- *Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa*: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh hàng hóa, vật tư, lương thực,...
- *Tài khoản 5112 - Doanh thu bán thành phẩm*: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm (thành phẩm, bán thành phẩm) được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành sản xuất vật chất như: Công nghiệp, nông nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp,...
- *Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ*: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh dịch vụ như: Giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học, kỹ thuật, dịch vụ kế toán, kiểm toán,...
- *Tài khoản 5118 - Doanh thu khác*: Tài khoản này dùng để phản ánh về doanh thu nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư, các khoản trợ cấp, trợ giá của Nhà nước...

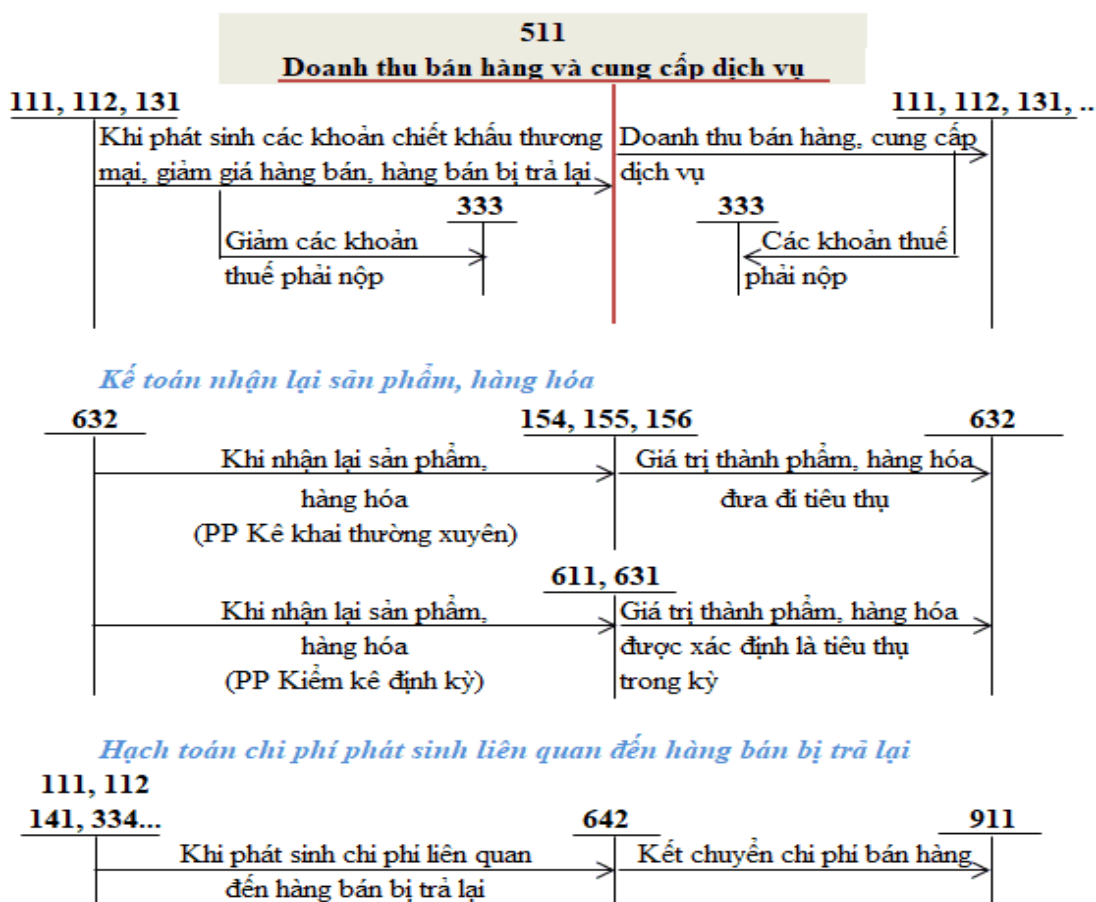
Kết cấu của tài khoản 511:

Nợ	TK 511	Có
- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT); - Các khoản giảm trừ doanh thu; - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".		- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 511 không có số dư đầu và cuối kỳ.

Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.1: KẾ TOÁN DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Sơ đồ hạch toán**Sơ đồ 1.2: KẾ TOÁN CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU****1.2.1.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính****❖ Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng**Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính**

- Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp, gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ,...

- Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn,

- Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;

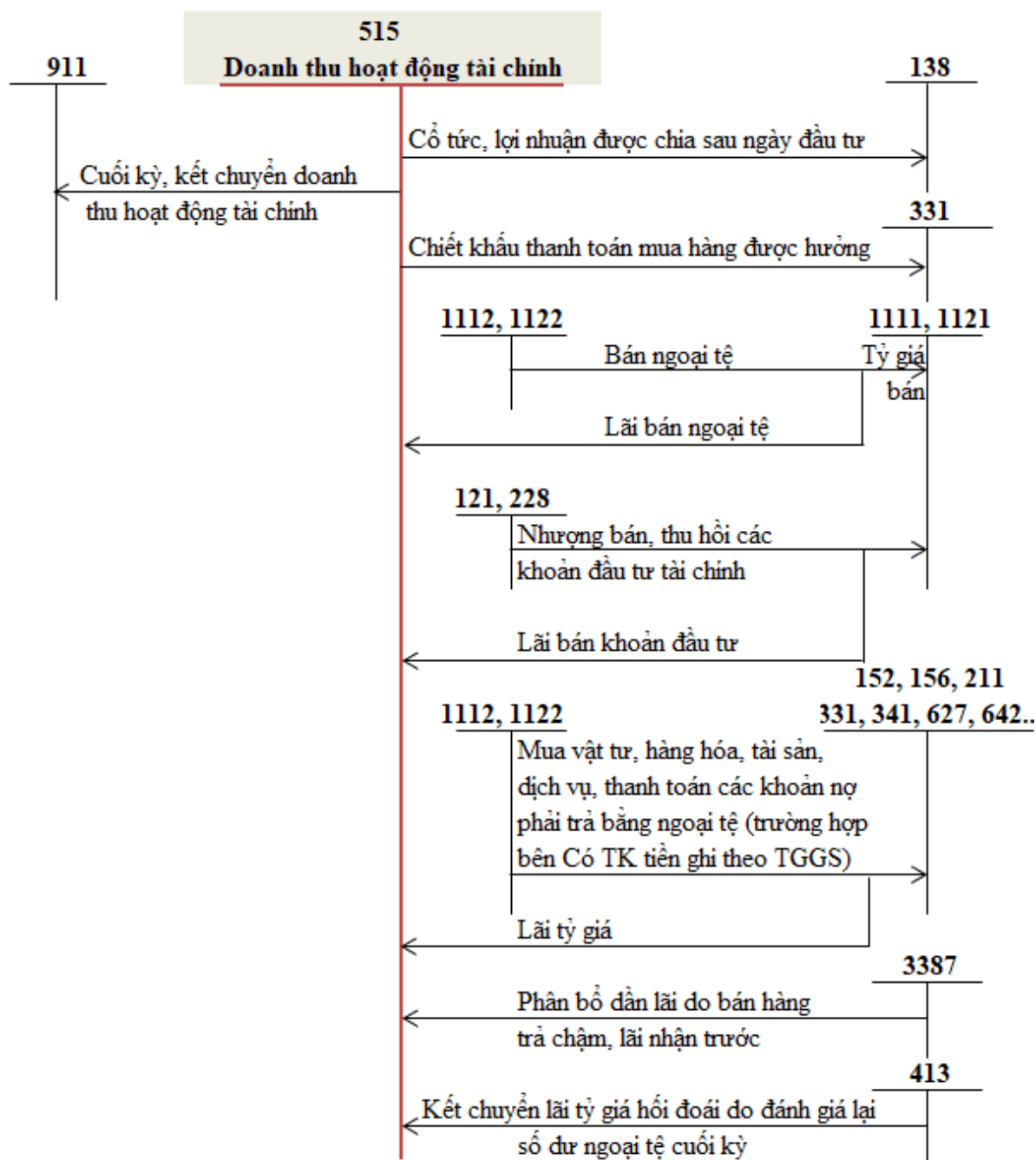
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ; lãi do bán ngoại tệ;

- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 515	Có
- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.		- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia. - Chiết khấu thanh toán được hưởng. - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết. - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh. - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ. - Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh. - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính. - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 515 không có số dư đầu và cuối kỳ.

❖ **Sơ đồ hạch toán****Sơ đồ 1.3: KẾ TOÁN DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH****1.2.1.3. Kế toán thu nhập khác**❖ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu
- Phiếu kế toán
- Biên bản bàn giao, thanh lý TSCĐ
- Các giấy tờ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

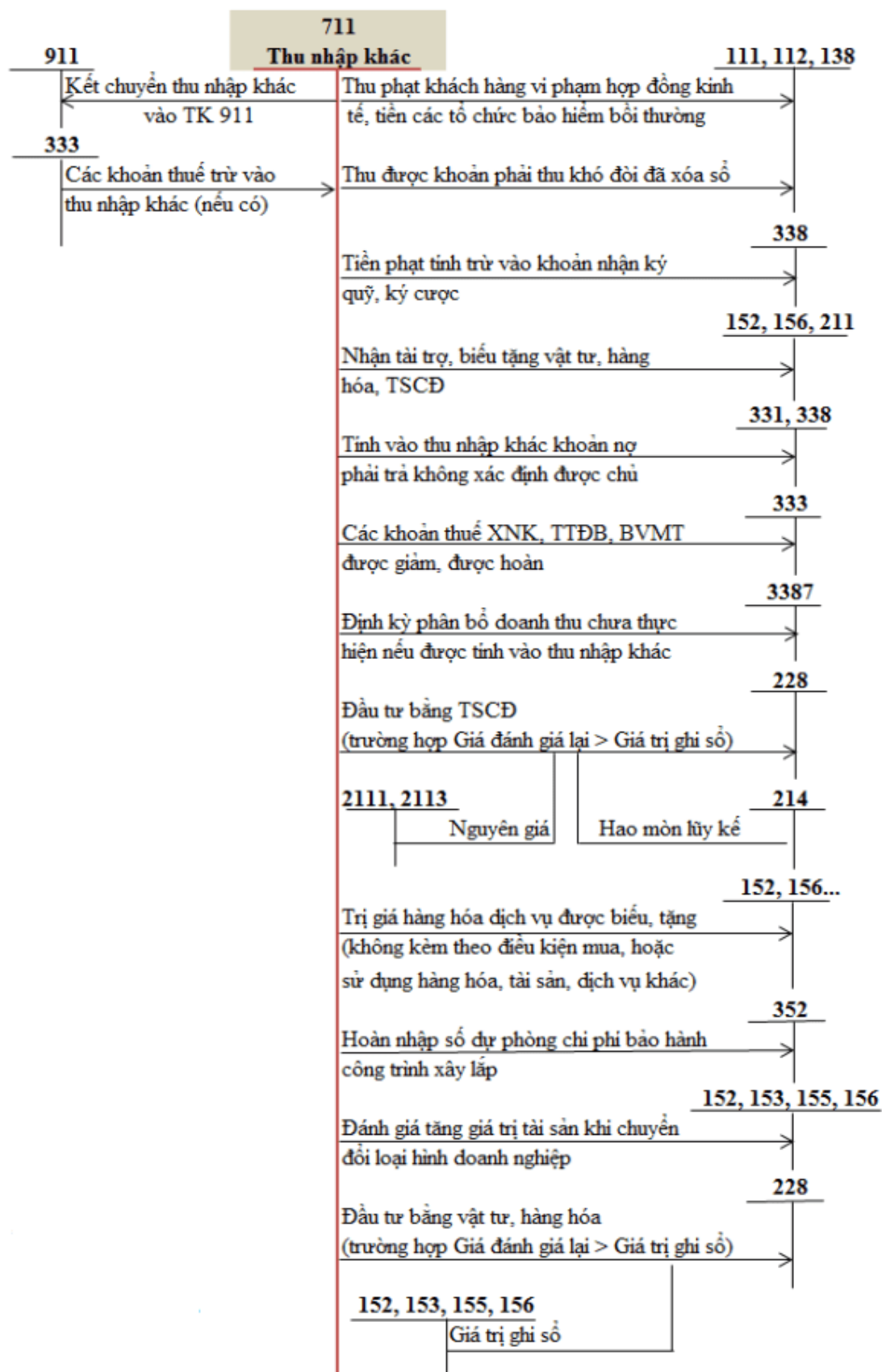
TK 711 – Thu nhập khác: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát.
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác.
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm).
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự).
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại nhà sản xuất.
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên

❖ **Kết cấu tài khoản 711**

Nợ	TK 711	Có
- Số thuế giá trị gia tăng phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp; - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.		- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ. - Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ. - Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ. - Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, bằng hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp. - Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót.
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Sơ đồ hạch Toán****Sơ đồ 1.4: KẾ TOÁN THU NHẬP KHÁC**

1.2.2. Kế toán chi phí trong doanh nghiệp vừa và nhỏ**1.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán****Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán**

- Để tính giá trị hàng hóa xuất kho, kế toán có thể áp dụng một trong ba phương pháp tính giá trị hàng xuất kho theo quy định trong “Chuẩn mực kế toán Hàng tồn kho”:

- Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)
- Phương pháp thực tế đích danh
- Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập hoặc cuối kỳ

❖ Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)

- Theo phương pháp này kế toán giả định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước. Xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Giá thực tế của hàng nhập trước sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối cùng hoặc gần cuối kỳ.

❖ Phương pháp thực tế đích danh

- Theo phương pháp này, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất kho loại hàng nào thì tính theo giá thực tế đích danh của loại hàng đó.

❖ Phương pháp bình quân gia quyền

Trị giá hàng xuất kho = Số lượng hàng xuất kho x Đơn giá bình quân

- *Bình quân gia quyền cả kỳ:*

Trị giá TT tồn đầu kỳ + Trị giá TT nhập trong kỳ

Đơn giá BQ cả kỳ =

Số lượng tồn ĐK + Số lượng nhập trong kỳ

- *Bình quân gia quyền liên hoàn:*

Trị giá thực tế HTK sau lần nhập_i

Đơn giá bình quân sau lần nhập_i =

Lượng thực tế HTK sau lần nhập_i

❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn bán hàng
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản kế toán sử dụng**Tài khoản 632– Giá vốn hàng bán**

- Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí cho thuê BĐSĐT theo phương thức cho thuê hoạt động; chi phí nhượng bán, thanh lý BĐSĐT...

❖ Kết cấu tài khoản 632:

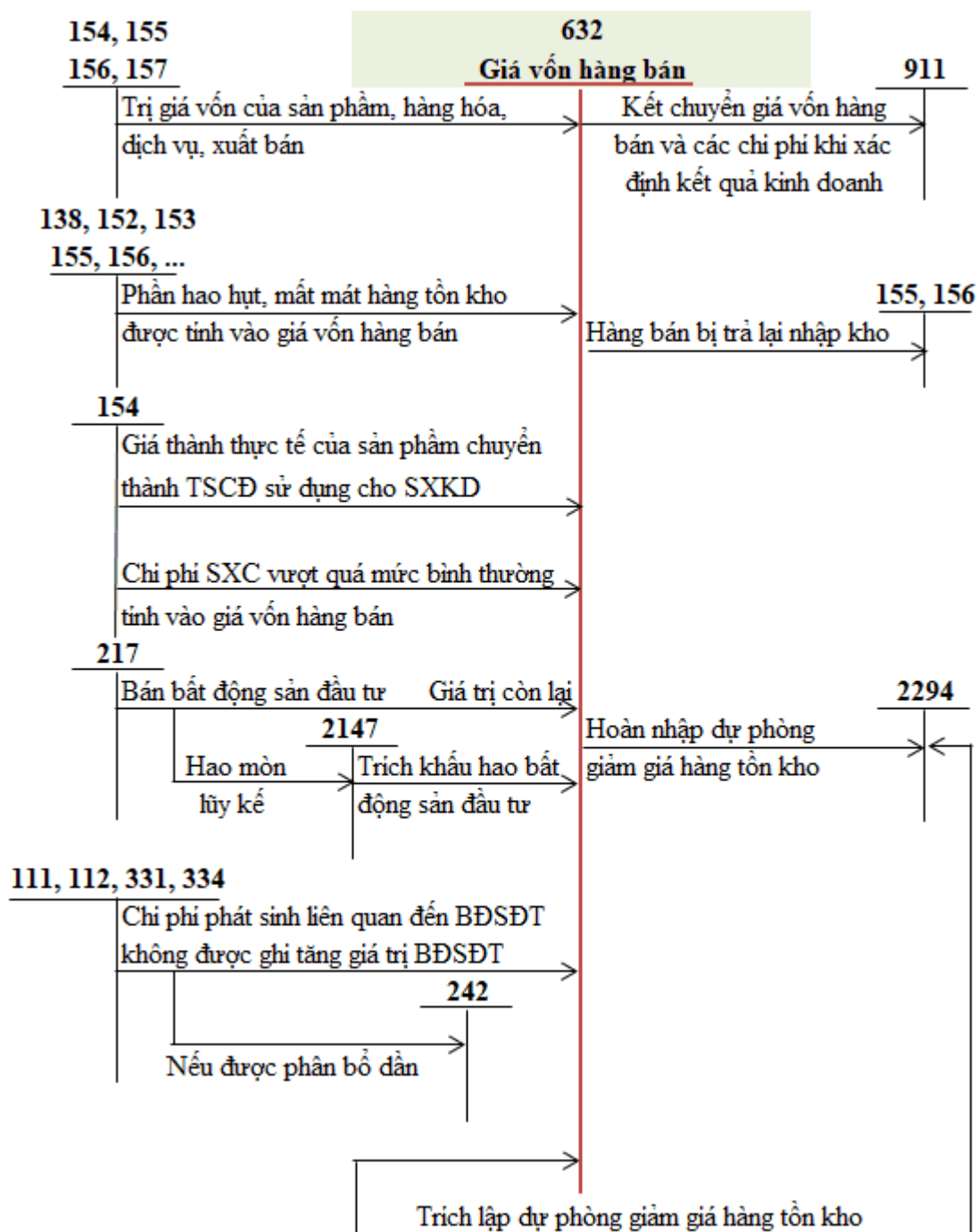
- Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:

Nợ	TK 632	Có
• Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ. • Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. • Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. • Chi phí xây dựng tự chế tạo TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế tạo hoàn thành. • Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.	- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911:" Xác định kết quả kinh doanh". - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính. - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.	
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

• *Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:*

Nợ	TK 632	Có
- Kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ; - Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất trong kỳ; - Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.		- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa tiêu thụ; - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ; - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính; - Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”; - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 632 không có số dư đầu và cuối kỳ.

❖ *Sơ đồ hạch toán*

Sơ đồ 1.5: KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN
(Theo phương pháp kê khai thường xuyên)

1.2.2.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính**❖ Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi
- Phiếu kế toán
- Giấy báo có

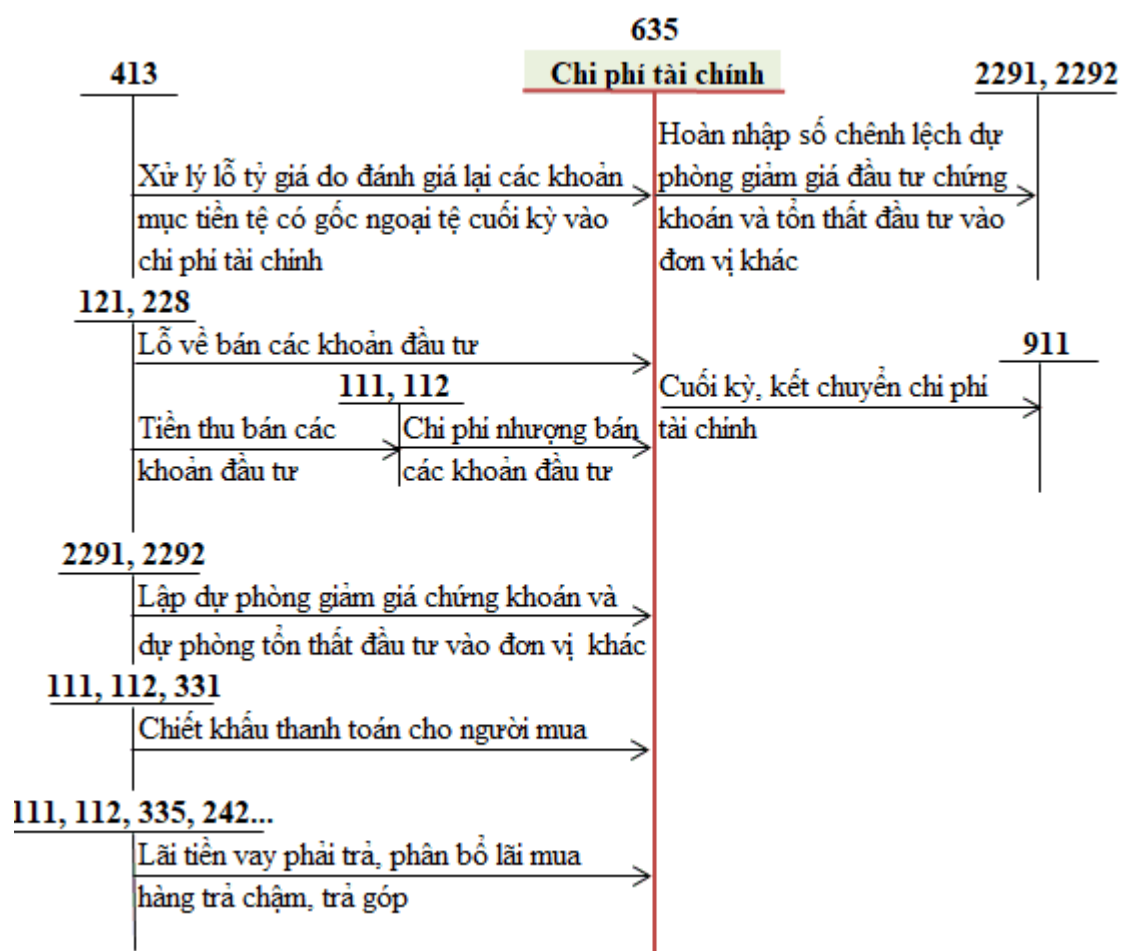
❖ Tài khoản sử dụng**Tài khoản 635 – Chi phí tài chính**

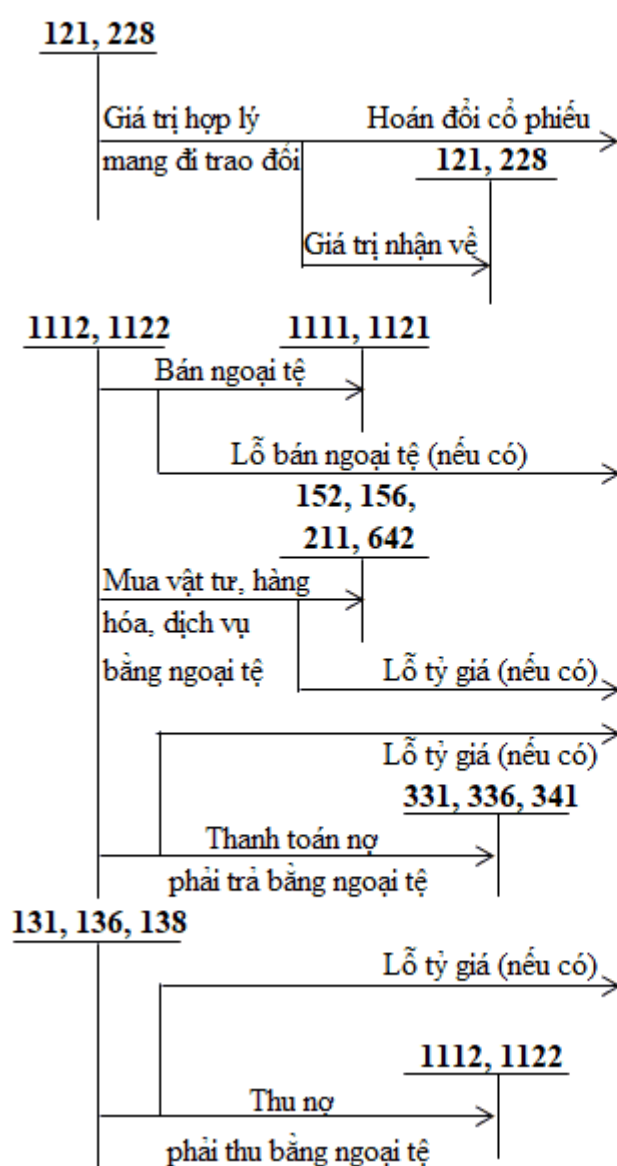
- Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

❖ Kết cấu của tài khoản 635:

Nợ	TK 635	Có
- Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi do thuê tài sản; - Chiết khấu thanh toán cho người mua; - Lỗ khi bán ngoại tệ; - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh; - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh; - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính; - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ.
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

❖ *Sơ đồ hạch toán*



Sơ đồ 1.6: KẾ TOÁN CHI PHÍ TÀI CHÍNH

1.2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

❖ Chứng từ sử dụng

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Phiếu kế toán

- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản kế toán sử dụng**

TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

- Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:
- Chi phí bán hàng bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động của nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

❖ **Các tài khoản cấp 2:**

- *Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng*: Phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp và tình hình kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

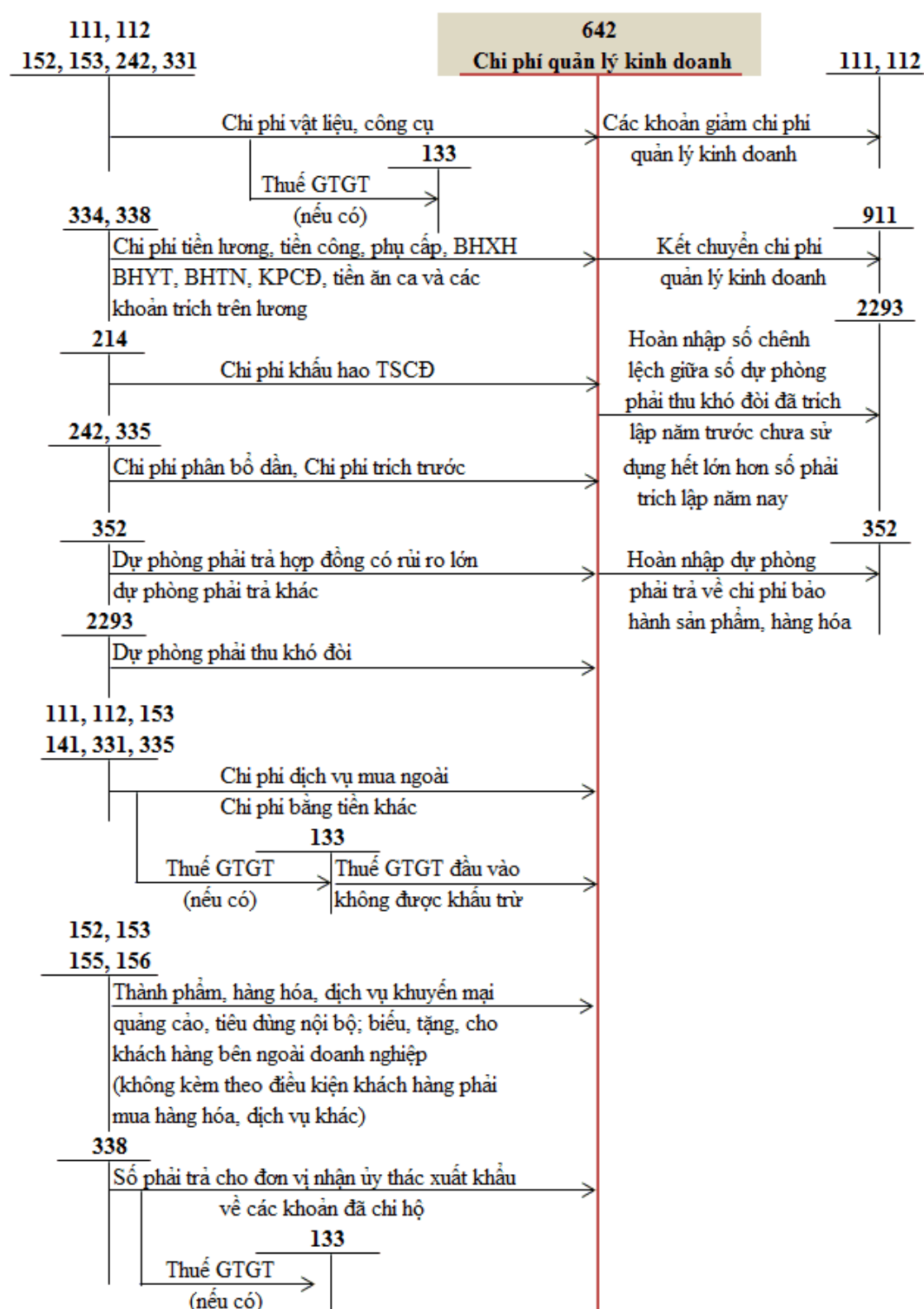
- Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp: Phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ và tình hình kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

❖ **Kết cấu của tài khoản 642:**

Nợ	TK 642	Có
- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);	- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh; - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.	
Σ Phát sinh Nợ	Σ Phát sinh Có	

Tài khoản 642 không có số dư đầu và cuối kỳ

❖ Sơ đồ hạch toán

**Sơ đồ 1.7: KẾ TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH**

1.2.2.4 Kế toán chi phí khác**❖ Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi
- Phiếu kế toán

❖ Tài khoản sử dụng**Tài khoản 811 – Chi phí khác**

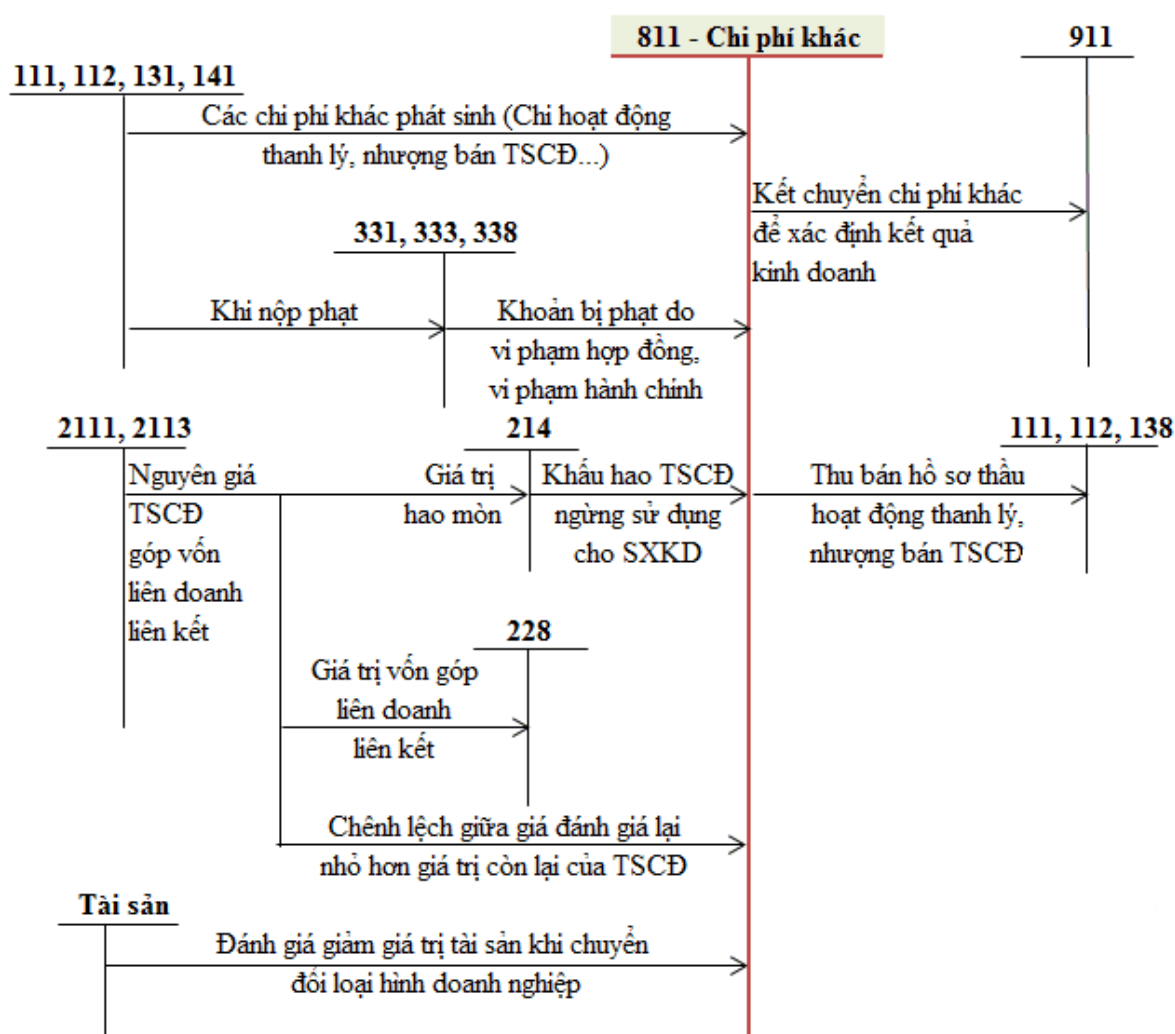
Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát.
- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ.
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác.
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính.
- Các khoản chi phí khác.

❖ Kết cấu tài khoản 811:

Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.		- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

Tài khoản 811 không có số dư đầu và cuối kỳ.

❖ **Sơ đồ hạch toán****Sơ đồ 1.8: KẾ TOÁN CHI PHÍ KHÁC****1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**❖ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

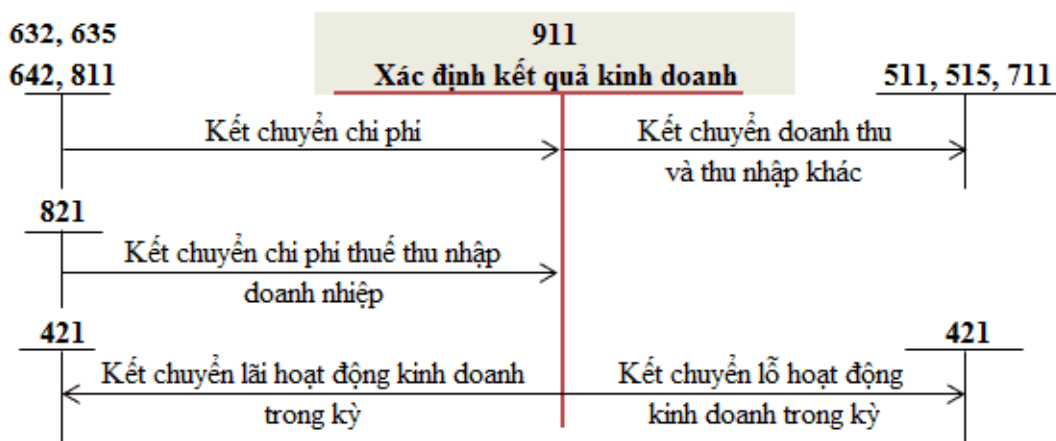
Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

- **Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh**

❖ **Kết cấu của tài khoản 911**

Nợ	TK 911	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác; - Chi phí quản lý kinh doanh; - Kết chuyển lãi.		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thu nhập doanh nghiệp; - Kết chuyển lỗ.
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 911 không có số dư đầu và cuối kỳ.

❖ **Sơ đồ hạch toán****Sơ đồ 1.9: KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH**

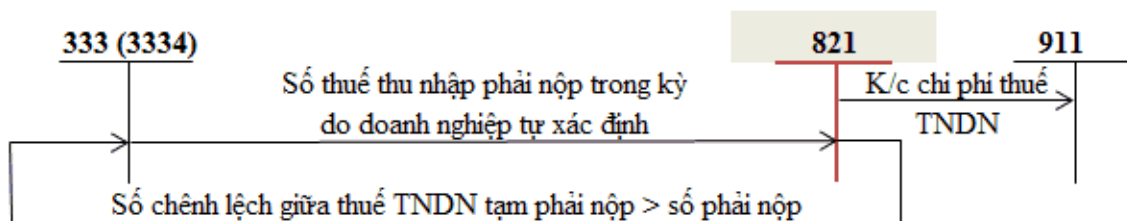
• **Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

- Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Kết cấu của tài khoản 821:

Nợ	TK 821	Có
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm;	- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm;	
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.	- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước; - Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.	
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 821 không có số dư đầu và cuối kỳ.

❖ **Sơ đồ hạch toán****Sơ đồ 1.10: CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**• **Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối**

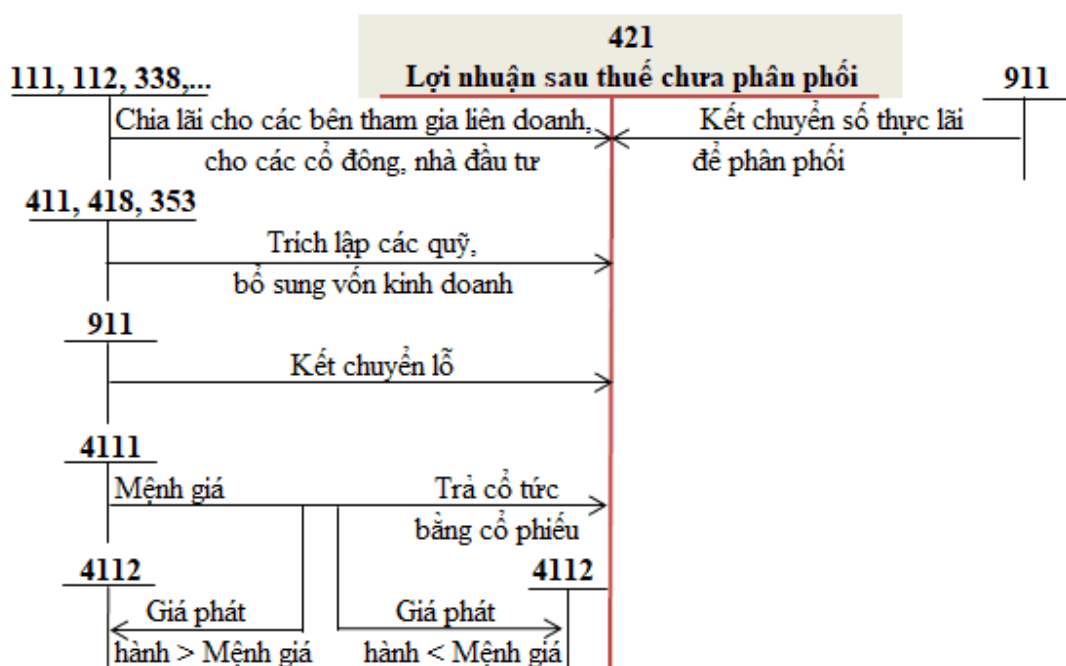
Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 4211 : Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.
- Tài khoản 4212 : Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

❖ **Kết cấu của tài khoản 421:**

Nợ	TK 421	Có
- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;	- Lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ;	
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp;	- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên;	
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh;	- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.	
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh;		
- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.		
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

❖ *Sơ đồ hạch toán*

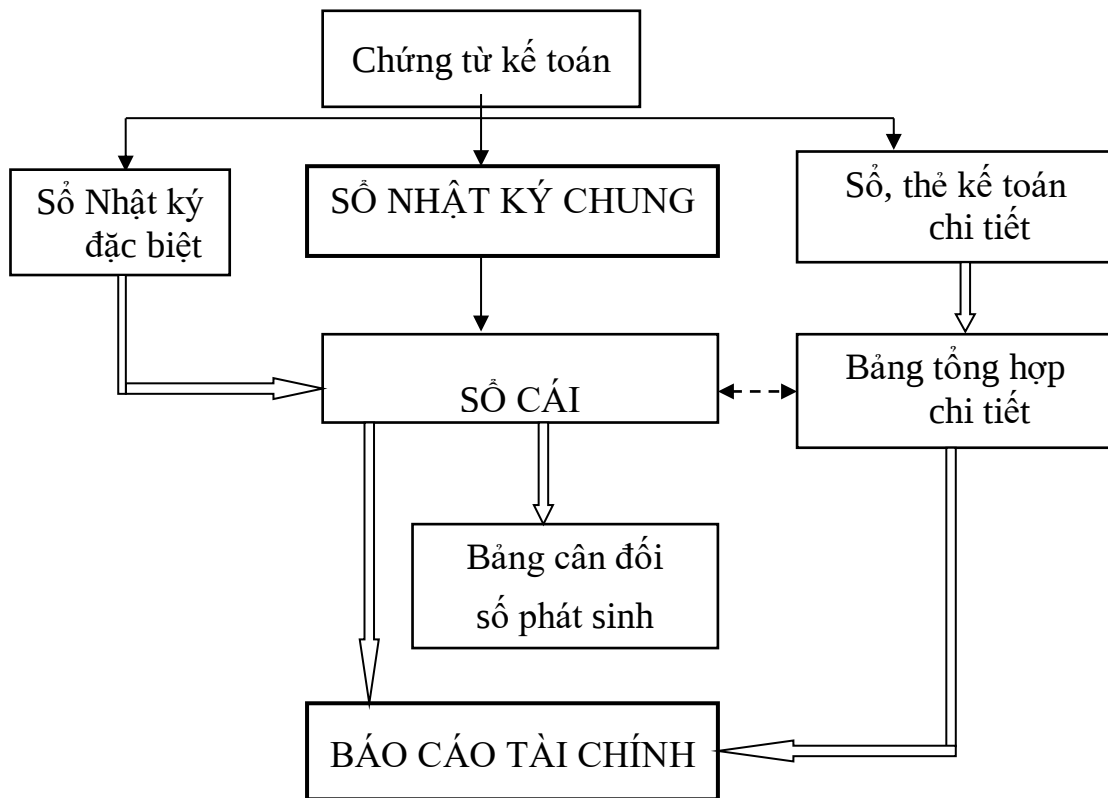
Sơ đồ 1.11.LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

1.3. Các hình thức kế toán trong doanh nghiệp**1.3.1. Hình thức kế toán nhật ký chung**❖ *Đặc điểm:*

- Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

❖ *Các loại sổ:*

- Sổ Nhật ký chung, Sổ cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung
Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔----

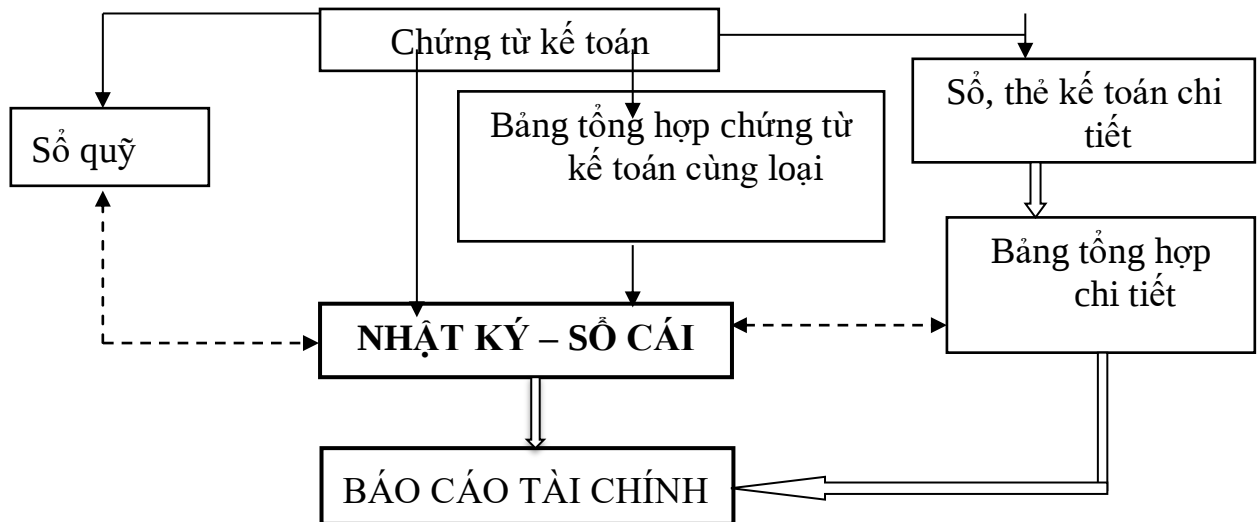
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

❖ Đặc điểm:

- Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

❖ Các loại sổ:

- Sổ Nhật ký – Sổ cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Sơ đồ 1.13 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng ⇒
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

❖ **Đặc điểm:**

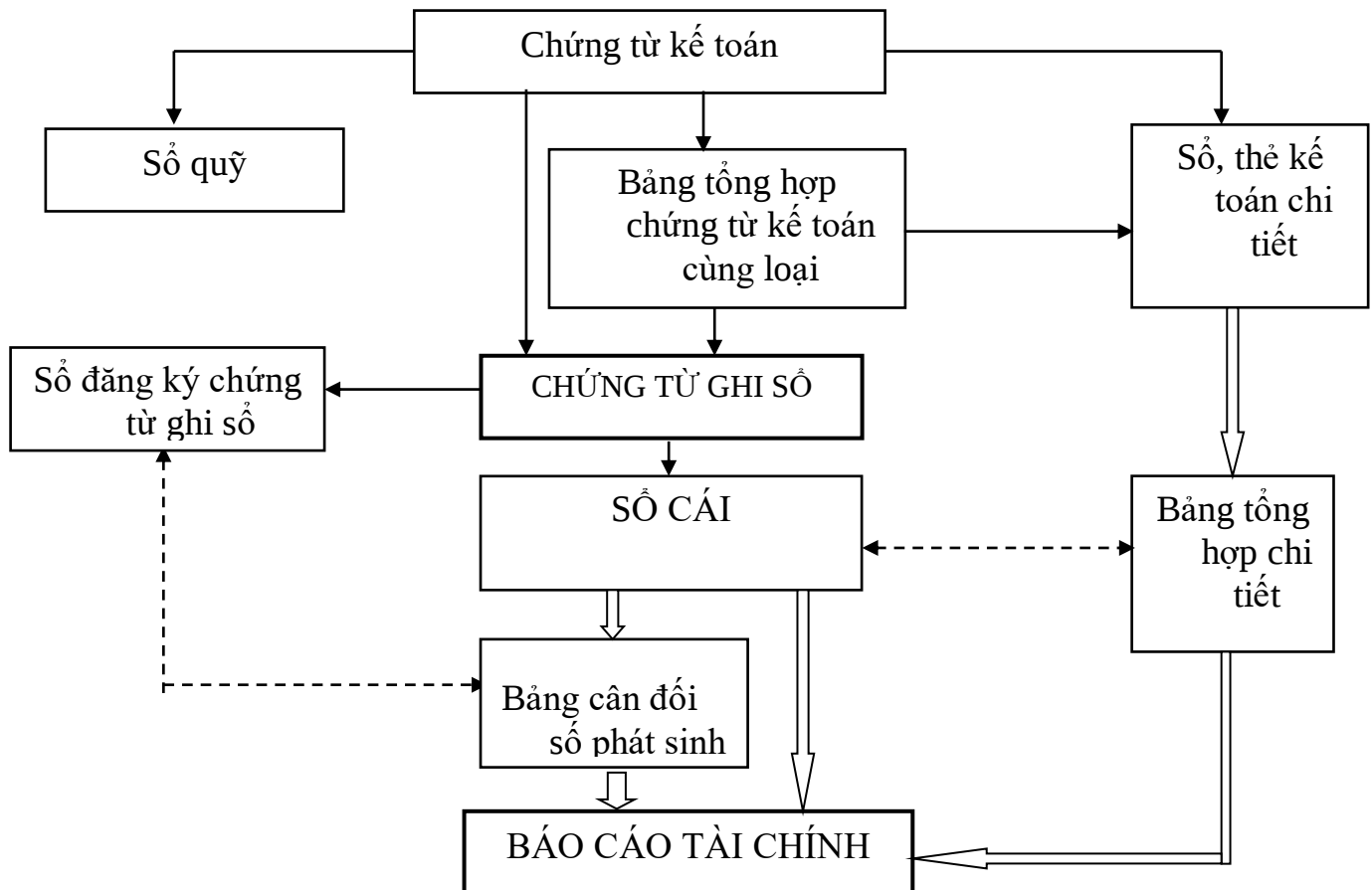
- Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:
- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.
- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.
- Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

❖ **Các loại sổ:**

- Chứng từ ghi sổ, Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, Sổ Cái, Các sổ, thẻ kế toán

chi tiết.

❖ **Trình tự ghi sổ kế toán:**



Sơ đồ 1.14 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng ⇨
- Đối chiếu, kiểm tra <----->

1.3.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính

❖ **Đặc điểm:**

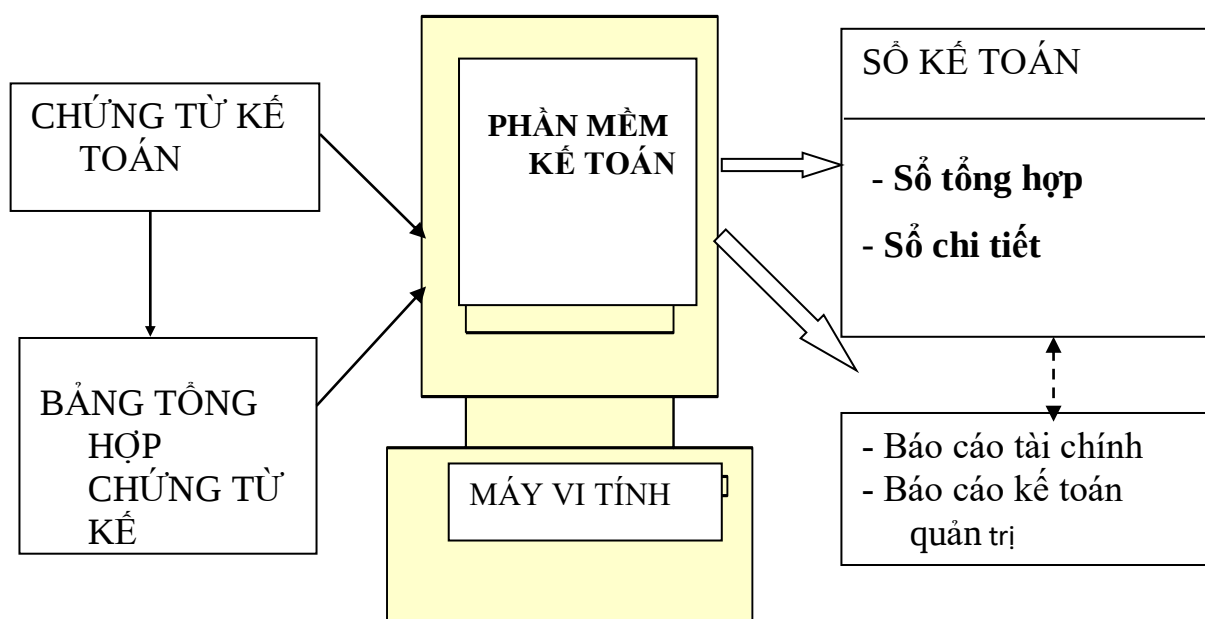
- công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế

toán và báo cáo tài chính theo quy định.

❖ **Các loại sổ:**

- Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

❖ **Trình tự ghi sổ kế toán:**



Sơ đồ 1.15 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày →
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm ⇒
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN KIM LỘ.

2.1. Giới thiệu về công ty TNHH Thương mại và giao nhận Kim Lộ.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Thương mại và giao nhận Kim Lộ.

- Tên công ty: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN KIM LỘ.**
- Tên viết tắt là: GOLDENLINE CO., LTD.
- Địa chỉ: Số 66 Lê Thánh Tông – Ngô Quyền – Hải Phòng.
- Văn phòng giao dịch: Tầng 3- Tòa nhà Sao Đỏ- số 1B đường bao Trần Hưng Đạo – Hải An – Hải Phòng.
- Số điện thoại liên lạc : 02253.569.256.
- Số Fax : 02253.569.257.
- Vốn điều lệ : 3.000.000.000 (Ba tỷ đồng).
- Người đại diện pháp lý: Ông Trần Trung Thành.
- Mã số thuế : 0200767349.
- Lĩnh vực kinh doanh : Vận chuyển hàng hóa bằng xe Container.
- Website : <http://www.goldenline.com>.
- Email : info@godenlinevn.com.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số: 0200767349.
- Logo



- * Công ty là doanh nghiệp tư nhân được thành lập năm 2007 với tên gọi là công ty TNHH Thương mại và giao nhận Kim Lộ. Công ty có 16 thành viên. Ngày 30/10/2007 Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng, đã cấp giấy phép kinh doanh cho công ty chính thức đi vào hoạt động với hình thức là công ty trách nhiệm hữu hạn. Cho đến nay, Công Ty TNHH Thương Mại và Giao Nhận Kim Lộ đã và đang phục vụ và cung cấp dịch vụ vận tải cho nhiều khách hàng có chủ đầu tư là người Việt Nam và người nước ngoài đầu tư tại Việt Nam. Các Tập Đoàn và các công ty lớn, Các cá nhân có nhu cầu.
- * Mục tiêu của công ty: Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh về vận tải hàng hóa bằng container, kết hợp với việc kinh doanh các lĩnh vực khác nhằm thu lợi nhuận tối đa.

2.1.2. Tổng quan về tình hình nhân sự của công ty.

❖ Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Giá trị phần vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND
1	TRẦN TRUNG THÀNH	Số 12D19, Phường Đồng Quốc Bình, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam	<u>1.500.000.000</u>	50	031703230
2	ĐẶNG THỊ THU HƯỜNG	Số 12D19, Phường Đồng Quốc Bình, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam	<u>1.500.000.000</u>	50	031003439

- Công ty gồm 16 thành viên, có năng lực và phù hợp với chuyên môn của công ty, trình độ cao nhất là trình độ đại học.

- Loại hợp đồng mà công ty ký kết với người lao động là 1 năm trở lên.
- Để duy trì nguồn nhân lực trong công ty, công ty luôn tổ chức các hoạt động vui chơi lành mạnh, giúp tạo được tinh thần đoàn kết trong công ty, có tinh thần thoải mái để làm việc có hiệu quả hơn. Mỗi năm, công ty đều có chế độ thưởng riêng cho từng cá nhân đạt thành tích tốt trong năm và thưởng theo chế độ của luật lao động như: 30/4, 1/5 và tết dương lịch cũng như tết âm lịch.

2.1.3. Tổng quan về lĩnh vực hoạt động của công ty

❖ Những dịch vụ mà công ty thường tiến hành là:

- Vận chuyển hàng hóa bằng container.
- Vận chuyển hàng lẻ bằng xe nhỏ.
- Chuẩn bị hàng hóa để chuyên chở.
- Làm tư vấn cho chủ hàng trong việc chuyên chở hàng hóa.
- Ký kết hợp đồng vận tải trong việc chuyên chở, lưu cước, thuê tàu.
- Làm thủ tục nhận hàng, gửi hàng.
- Dịch vụ khai thuế và làm thủ tục xuất nhập khẩu: Mở tờ khai hải quan, làm lệnh giao nhận hàng hóa.
- Mua bảo hiểm cho hàng hóa.
- Lập các chứng từ cần thiết trong quá trình gửi hàng và nhận hàng.
- Nhận hàng từ chủ hàng, giao cho người chuyên chở và giao cho người nhận.
- Thu xếp chuyên tải hàng hóa.
- Nhận hàng từ người chuyên chở và giao cho người nhận.
- Lưu kho, bảo quản hàng hóa.
- Nhận và kiểm tra các chứng từ cần thiết liên quan đến các quá trình vận tải hàng hóa.
- Thanh toán cước phí, chi phí xếp dỡ, lưu kho, lưu bãi.
- Thông báo tình hình đi và đến của phương tiện vận tải.
- Thông báo tình hình tổn thất với người chuyên chở.

2.1.4. Những thuận lợi, khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động.

- Trong quá trình hoạt động của mình công ty có nhiều thuận lợi nhưng cũng gặp không ít khó khăn

*** Thuận lợi:**

- Đội ngũ nhân viên trẻ tuổi, năng động, nhiệt huyết, luôn nỗ lực hết mình vì công việc và đặc biệt là tinh thần trách nhiệm rất cao, có tinh thần và kỹ năng làm việc tốt

- Môi trường làm việc văn minh, lành mạnh và chuyên nghiệp

- Cơ sở vật chất tốt như: xe đời mới, phương tiện ổn định.

- Bộ máy quản lý chuyên nghiệp, nhất quán, dễ dàng kiểm tra, kiểm soát

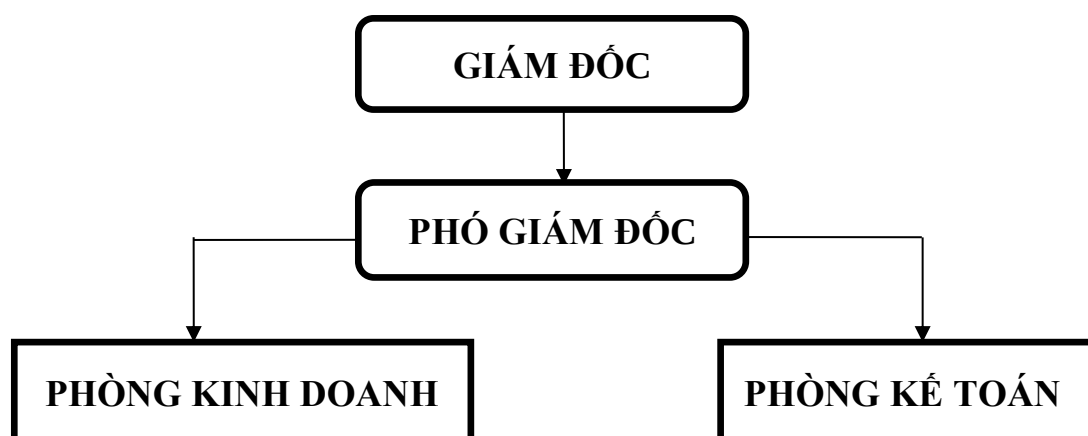
*** Khó khăn:**

- Đội ngũ nhân viên còn trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm nên ban đầu còn gặp nhiều

- Vướng mắc trong việc tuyển lái xe.

- Nhiều đối thủ cạnh tranh trên thị trường.

- Giá xăng dầu không ổn định làm cho chi phí của công ty bị biến động theo giá xăng dầu

2.1.5: Hệ thống tổ chức của công ty.

Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức tại Công ty TNHH Thương Mại và Giao nhận Kim Lộ

❖ *Nhiệm vụ và chức năng của các phòng ban:*❖ Giám đốc:

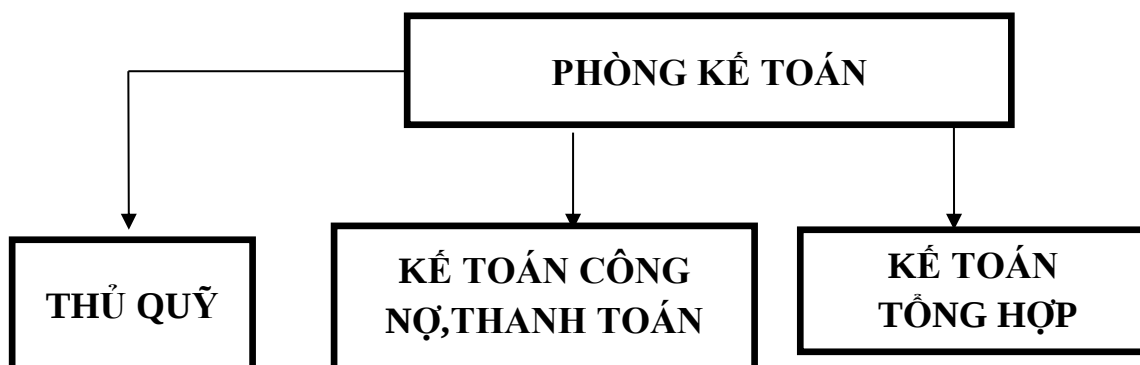
- Là người chịu kết quả, người có quyền hạn cao nhất đối với mọi kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.
- Là người trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động sản xuất kinh doanh và sắp xếp tổ chức bộ máy nhân sự kinh doanh của công ty.
- Là người chịu trách nhiệm trước Nhà nước và tập thể cán bộ công nhân viên của công ty.

❖ Phó giám đốc:

- Là người được giám đốc ủy quyền tất cả các công việc khi giám đốc đi vắng, quan hệ đối tác với khách hàng.

❖ Phòng kinh doanh:

- Chịu sự chỉ đạo trực tiếp từ giám đốc hoặc phó giám đốc, phụ trách các vấn đề về kinh doanh cũng như quan hệ đối tác với khách hàng.
- Dự báo cáo vấn đề về hàng hóa và dịch vụ, đề xuất các phương án giá cả và lập kế hoạch kinh doanh cho cả công ty.

❖ Phòng kế toán:

Sơ đồ 2.2: Cơ cấu tổ chức phòng kế toán tại Công ty TNHH Thương Mại và Giao nhận Kim Lộ

- *Kế toán công nợ, thanh toán:* Theo dõi các khoản công nợ giữa công ty với khách hàng. Lập báo cáo nhanh về các khoản công nợ để báo cáo lên kế toán trưởng và giám đốc.
- *Kế toán tổng hợp:* Tập hợp chi phí theo số liệu phát sinh ngày, tổ chức ghi chép, tổng hợp số liệu nhập xuất, các loại vốn, các quỹ của công ty để xác định lãi lỗ, lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế. Có chức năng giúp giám đốc phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên.
- *Thủ quỹ:* Đảm nhận công việc thu chi tiền mặt, lưu trữ hồ sơ, cập nhật chứng từ, báo cáo quỹ hằng ngày, đóng các chứng từ sổ sách có liên quan.

2.1.6. Đặc điểm chính sách và phương pháp kế toán công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ áp dụng

❖ Chế độ kế toán.

- Chế độ kế toán: Hiện nay công ty áp dụng theo chế độ kế toán Việt Nam, được ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính.
- Chế độ chứng từ: Công ty áp dụng hệ thống chứng từ bắt buộc do Bộ Tài Chính ban hành. Các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều có chứng từ kế toán chứng minh.
- Hệ thống tài khoản: Công ty áp dụng hệ thống tài khoản trong bảng hệ thống tài khoản thống nhất và mở các tài khoản chi tiết phù hợp với việc hạch toán của kế toán.

❖ Hình thức kế toán.

- Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Việc áp dụng hình thức này đối với nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã đáp ứng được yêu cầu dễ dàng kiểm tra, đối chiếu, thuận lợi cho việc phân công công tác.
- Doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.
- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch hàng năm

- Đơn vị tính và sử dụng trong ghi chép kế toán là: VNĐ (Việt Nam Đồng).

2.2. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

TNHH Thương mại và giao nhận Kim Lộ

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH

Thương mại và giao nhận Kim Lộ

❖ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT.
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, Giấy báo có của ngân hàng.....
- Các chứng từ khác có liên quan.

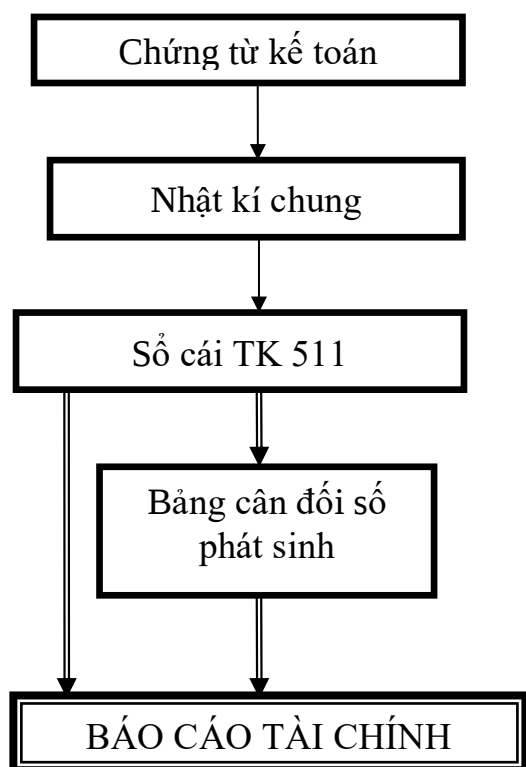
❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

❖ Sổ sách sử dụng:

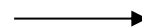
- Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 511.

❖ Quy trình hạch toán:

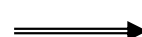


Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, định kỳ



**Sơ đồ 2.3: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
tại Công ty TNHH TM và Giao nhận Kim Lộ**

❖ **Ví dụ minh họa:** Ngày 01/12/2017, vận chuyển gạch men cho Công ty TNHH Xây Dựng Và Thương Mại Thành Luân 97, số tiền 9.500.000 đồng, theo hóa đơn số 0002010 (chưa VAT 10%), khách hàng chưa thanh toán. (Chứng từ liên quan được đính kèm phía sau).

- Căn cứ vào HĐ 0002010, kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 131 : 10.450.000

Có TK 511 : 9.500.000

Có TK 3331 : 950.000

Biểu số 2.2: Trích Bảng kê số 01/12

CÔNG TY TNHH TM VÀ GIAO NHẬN KIM LỘ

BẢNG KÊ VẬN CHUYỂN

Kèm theo hóa đơn 0002010 ngày 01/12/2017

Khách hàng Công ty TNHH Xây Dựng Và Thương Mại Thành Luân 97

Địa chỉ: Xóm Cả, Xã Liên Vũ, Huyện Lạc Sơn, Tỉnh Hòa Bình

Mã số thuế: 5400503913

Hình thức thanh toán: Tiền Mặt

STT	Ngày tháng	Biển số xe	Điểm nhận hàng	Điểm giao hàng	Loại hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ/thùng)	Thành tiền
1	01/12/2017	15C8 12216	Cảng Vật Cách	114 Phùng Hưng, Hữu Nghị, Hòa Bình	Gạch men	Thùng	5.000	900	4.500.000
2	01/12/2017	15C5 07083	Cảng Vật Cách	114 Phùng Hưng, Hữu Nghị, Hòa Bình	Gạch men	Thùng	5.556	900	5.000.000
Cộng							10.556		9.500.000
THUẾ GTGT 10%									950.000
TỔNG CỘNG									10.450.000

Biểu số 2.3. Trích sổ Nhật Ký Chung.

Công ty TNHH TM và giao nhận Kim Lộ
Địa chỉ: số 66 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền,
HP

Mẫu số S03a-DNN (Ban hành theo Thông
tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016
của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
HĐ 0002010	01/12	Vận chuyển Gạch men cho Công ty TNHH Xây Dựng Và Thương Mại Thành Luân 97	131	511 3331	10.450.000	9.500.000 950.000
....						
PC14 HĐ0092	17/12	Chi mua văn phòng phẩm	642 133	111	1.850.000 185.000	2.035.000
GBC 311	28/12	Công ty TNHH Nam Trang thanh toán phí dịch vụ	112	131	11.400.000	11.400.000
GBC 498	30/12	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng	112	515	205.450	205.450
.....						
		Cộng lũy kế năm			94.636.230.610	94.636.230.610

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.4: Trích Sổ cái TK 511

Công ty TNHH TM và giao nhận Kim Lộ
Địa chỉ: số 66 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền,
HP

Mẫu số S03b-DNN (Ban hành theo Thông
tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016
của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

năm 2017

Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu : 511

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐ Ư	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu năm</u>			
		...			
HĐ 0002010	01/12	Vận chuyển Gạch men cho Công ty TNHH Xây Dựng Và Thương Mại Thành Luân 97	131		9.500.000
HĐ 0002017	05/12	Vận chuyển Sơn công ty TNHH Tuấn Tú	131		4.219.650
HĐ 0002022	12/12	Vận chuyển Vải cho công ty cổ phần Vân Khánh	131		11.368.280
		...			
PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	12.435.076.400	
		Cộng phát sinh năm		12.435.076.400	12.435.076.400
		<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(ký tên, đóng dấu)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thương Mại và Giao Nhận Kim Lộ.

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán.
- Các chứng từ khác có liên quan.

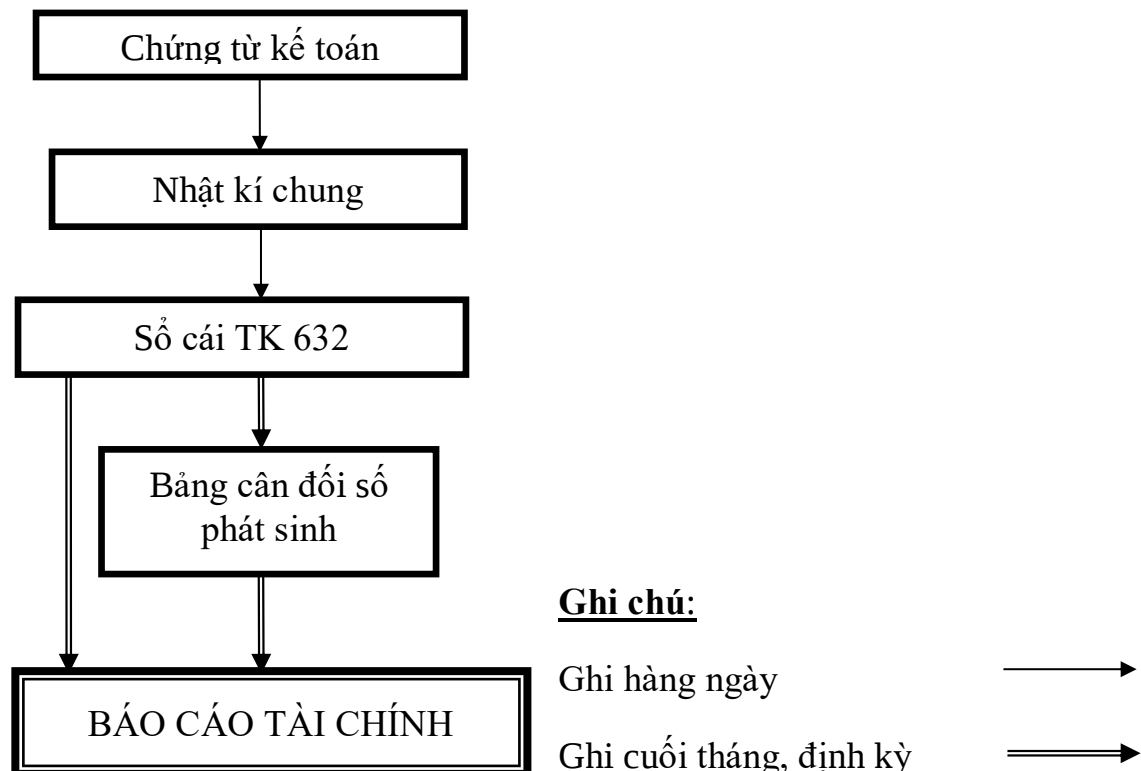
❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 632: Giá vốn hàng bán.

❖ Sổ sách sử dụng:

- Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 632.

❖ Quy trình hạch toán:



Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH TM và Giao nhận Kim Lộ

Biểu số 2.5: Trích Sổ cái TK 154

Công ty TNHH TM và giao nhận Kim Lộ

Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: số 66 Lê Thánh Tông, Ngô

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-

Quyền, HP

BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

năm 2017

Tên TK: Chi phí sản xuất kinh doanh sản phẩm dở dang

Số hiệu : 154

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu năm</u>			
.....					
25/12	HĐ000 0101	Mua dầu diesel phục vụ vận tải	331	1.546.000	
31/12	BTTL T12	Tính lương T12 cho bộ phận lái xe	334	59.250.000	
31/12	BTTL T12	Các khoản trích theo lương tính vào chi phí 12/2015 Bộ phận vận tải	338	12.060.000	
31/12	BTKH T12	Tính khấu hao TSCĐ phục vụ VT	214	24.427.401	
PKT18	31/12	Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	632		11.355.818.292
		Cộng số phát sinh năm		11.355.818.292	11.355.818.292
		<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(ký, ghi họ tên)

(ký, ghi họ tên)

(ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.6: Phiếu kế toán số 18**CÔNG TY TNHH TM VÀ GIAO NHẬN KIM LỘ****Địa chỉ: Số 66 Lê Thánh Tông – Ngô Quyền – Hải Phòng****PHIẾU KẾ TOÁN****Số 18****Ngày 31/12/2017**

Nội dung	TK		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	632	154	11.355.818.292
Cộng			11.355.818.292

Biểu số 2.7. Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH TM và giao nhận Kim Lô
Địa chỉ: số 66 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền,
HP

Mẫu số S03a-DNN(Ban hành theo Thông
tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016
của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
HĐ2010	01/12	Vận chuyển Gạch men cho Công ty TNHH Công ty TNHH Xây Dựng Và Thương Mại Thành Luân 97	131	511 3331	10.450.000	9.500.000 950.000
....						
PC14 HĐ0092	17/12	Chi mua văn phòng phẩm	642 133	111	1.850.000 185.000	2.035.000
GBC 311	28/12	Công ty TNHH Nam Trang thanh toán phí dịch vụ	112	131	11.400.000	11.400.000
GBC 498	30/12	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng	112	515	205.450	205.450
PKT18	31/12	Kết chuyển Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	632	154	11.355.818.292	11.355.818.292
...	...	...	...	...	...	...
		Cộng lũy kế năm			94.636.230.610	94.636.230.610

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.8: Trích Sổ cái TK 632.

Công ty TNHH TM và giao nhận Kim Lộ Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: số 66 Lê Thánh Tông, Ngô

(Ban hành theo Thông tư số

Quyền, HP

133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của

Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

năm 2017

Tên TK: Giá vốn hàng bán

Số hiệu : 632

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SH	Số tiền	
SH	NT		TKĐƯ	Nợ	Có
		<u>Số dư đầu năm</u>			
		...			
PKT18	31/12	Kết chuyển Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	154	11.355.818.292	
PKT20	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán năm 2017	911		11.355.818.292
		Cộng số phát sinh năm		11.355.818.292	11.355.818.292
		<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(ký, ghi họ tên)

(ký, ghi họ tên)

(ký tên, đóng dấu)

2.2.3.. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại và Giao Nhận Kim Lộ.

❖ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, Giấy báo nợ
- Bảng thanh toán lương, bảng tính và phân bổ khấu hao
- Các chứng từ có liên quan khác.

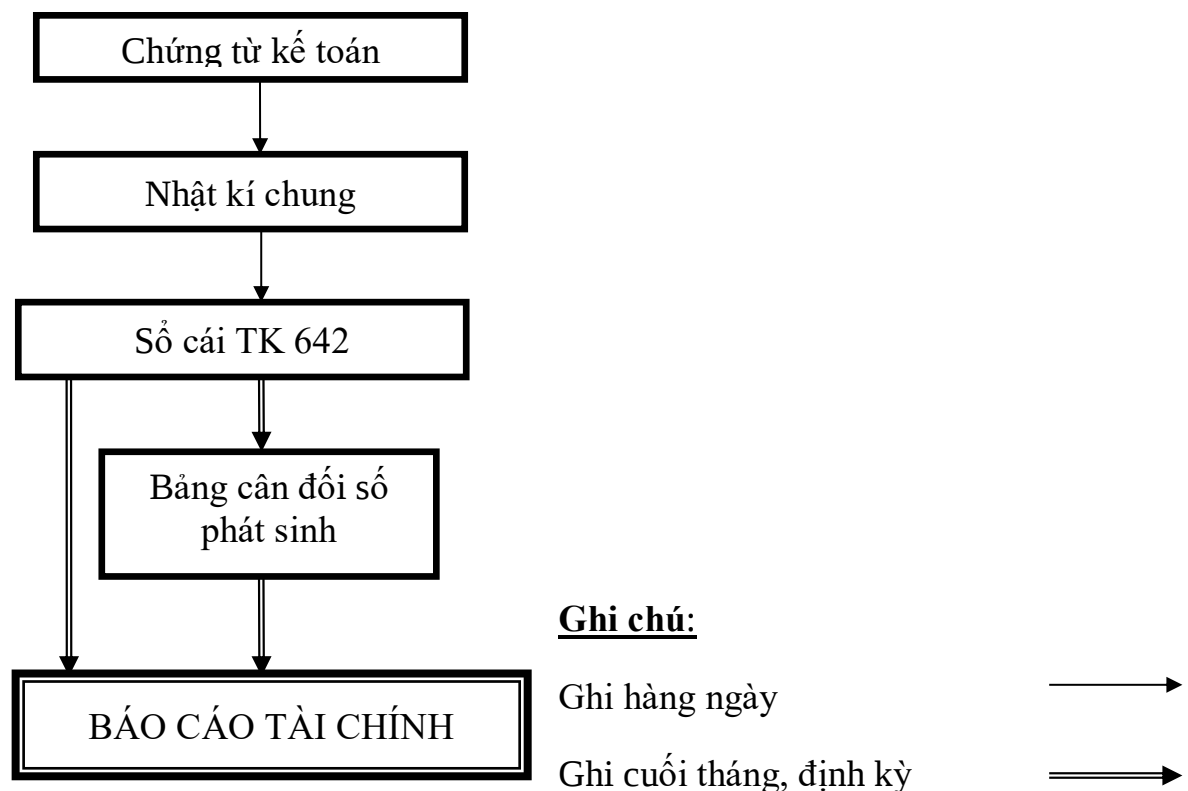
❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh.

❖ Sổ sách sử dụng:

- Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 642.

❖ Quy trình hạch toán:



Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH TM và Giao nhận Kim Lộ

- ❖ **Ví dụ minh họa 1:** Ngày 17/12/2017, Công ty mua văn phòng phẩm phục vụ cho văn phòng với trị giá 2.035.000 theo HĐ GTGT 0000092 (Biểu 3.9), đã thanh toán bằng tiền mặt theo Phiếu chi số 14 (Biểu 3.10).

- Căn cứ vào HĐ GTGT 0000092 và Phiếu chi 14, kế toán định khoản:

Nợ TK642: 1.850.000

Nợ TK133 : 185.000

Có TK111: 2.035.000

Biểu số 2.9: Hoá đơn GTGT số 0000092

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao khách hàng Ngày 17 tháng 12 năm 2017			Mẫu số :01GTKT3/001 Ký hiệu : TH/17P Số: 0000092		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH VĂN PHÒNG PHẨM HẢI PHÒNG Mã số thuế: 0201204412 Địa chỉ: Số 3A/89 Lê Lợi – Phường Máy Tơ – Quận Ngô Quyền – Hải Phòng Điện thoại: 02253.760.128 Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Ngọc Lam Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN KIM LỘ Mã số thuế: 0200767349 Địa chỉ: Số 66 Lê Thánh Tông – Ngô Quyền – Hải Phòng Hình thức thanh toán: TM					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Giấy in Double A	Thùng	3	300.000	900.000
2	Bút bi Thiên Long	Hộp	5	70.000	350.000
3	Kẹp tài liệu	Hộp	3	30.000	90.000
4	Bàn dập ghim	Cái	2	145.000	290.000
5	Giá đựng tài liệu	Cái	2	110.000	220.000
Cộng tiền hàng:					1.850.000
Thuế GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT:			185.000
Tổng cộng tiền thanh toán					2.035.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu, không trăm, ba mươi năm nghìn đồng.					
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký và đóng dấu)	

Biểu số 2.10: Phiếu chi số 14

Công ty TNHH TM và giao nhận Kim Lô Mẫu số 02 - TT(Ban hành theo Thông tư
Địa chỉ:số 66 Lê Thánh Tông, Ngô số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016
Quyền, HP. của Bộ Tài chính)

PHIẾU CHI

Ngày 17 tháng 12 năm 2017

Số :14

Nợ: 642,133

Có: 111

Họ và tên người nhận tiền: Bùi Thị Ngọc Anh.

Địa chỉ: Công ty TNHH văn phòng phẩm Hải Phòng

Lý do: Mua văn phòng phẩm

Số tiền: 2.035.000

Bằng chữ: Hai triệu, không trăm, ba mươi năm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 17 tháng 12 năm 2017

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đã nhận đủ số tiền(bằng chữ): Hai triệu, không trăm, ba mươi năm nghìn đồng chẵn.

Ngày 17 tháng 12 năm 2017

Thủ quỹ

Người nhận tiền

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.11: Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH TM và giao nhận Kim Lô
Địa chỉ: số 66 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền,
HP.

Mẫu số S03a-DNN (Ban hành theo
Thông tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
HĐ 0002010	01/1 2	Vận chuyển gạch men Công ty TNHH Xây Dựng và Thương Mại Thành Luân 97	131	511 3331	10.450.000	9.500.000 950.000
...	...	...	...		...	...
PC14 HĐ 0000092	17/1 2	Chi mua văn phòng phẩm	642 133	111	1.850.000 185.000	2.035.000
GBC 311	28/1 2	Công ty TNHH Nam Trang thanh toán phí dịch vụ	112	131	11.400.000	11.400.000
GBC 498	30/1 2	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng	112	515	205.450	205.450
BKH T12	31/1 2	Tính khấu hao tháng 12	642 154	214	4.194.350 24.427.401	28.621.751
...	...	...	...		...	...
		Cộng lũy kế năm			94.636.230.610	94.636.230.610

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.12: Trích sổ cái TK642

Công ty TNHH TM và giao nhận Kim Lộ
Địa chỉ: số 66 Lê Thánh Tông, Ngô
Quyền, HP.

Mẫu số S03b-DNN (Ban hành theo Thông
tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016
của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên TK: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu : 642

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐ Ư	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu năm</u>			
....					
PC14 HĐ 000009 2	17/1 2	Chi tiền mua văn phòng phẩm	111	1.850.000	
BTTLT 12	31/1 2	Trích lương tháng 12	334	52.750.000	
BKH T12	31/1 2	Tính khấu hao	214	4.194.350	
PKT20	31/1 2	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		963.210.534
		Cộng số phát sinh năm		963.210.534	963.210.534
		<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(ký tên, đóng dấu)

2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí tài chính tại Công ty TNHH Thương Mại và Giao Nhận Kim Lộ.

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty chủ yếu phát sinh do lãi nhận được từ các khoản tiền gửi ngân hàng, chi phí tài chính phát sinh do phải trả tiền lãi cho các khoản nợ vay

- Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo Có.
- Các chứng từ có liên quan khác.

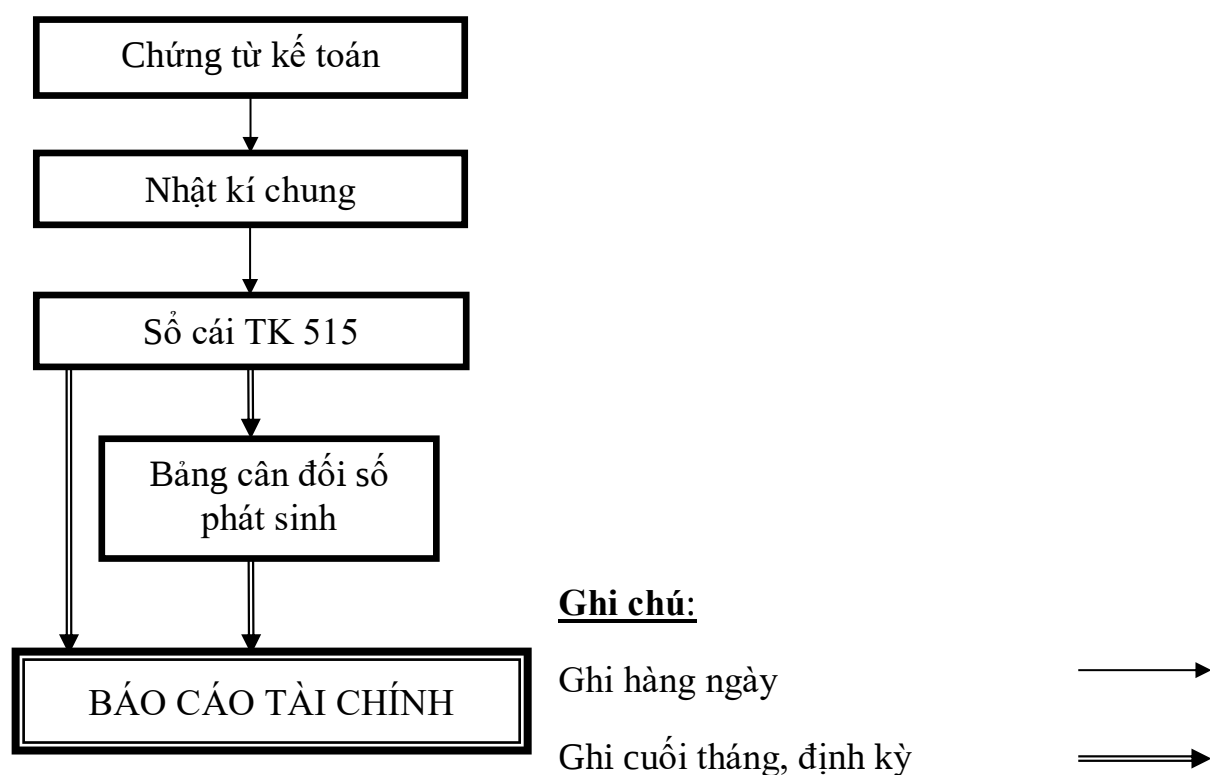
- Tài khoản sử dụng:

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

- Sổ sách sử dụng:

- Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 515.

- Quy trình hạch toán:



Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH TM và Giao nhận Kim Lộ.

- **Ví dụ minh họa1:** Ngày 30/12/2017, nhận lãi tiền gửi ngân hàng, số tiền 205.450 đồng. Chứng từ phát sinh là Giấy báo Có số 498.

Căn cứ vào GBC 498 (Biểu 3.13) , kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 112 : 205.450

Có TK 515 : 205.450

Biểu số 2.13: Giấy báo có của ngân hàng Công thương Hải Phòng.

 VietinBank	GIẤY BÁO CÓ Ngày 30/12/2017	Mã GDV: BTTA Số GD: 498 Giờ: 14:25:02
NH TMCP Công thương CN Hải Phòng		
Kính gửi: CÔNG TY TNHH TM VÀ GIAO NHẬN KIM LỘ		
Mã số thuế: 0200767349		
Ngân hàng TMCP Công thương xin trân trọng thông báo: tài khoản của Quý khách hàng đã được ghi Có với nội dung như sau:		
Số tài khoản ghi Có: 102010000201678		
Số tiền bằng số: 205.450		
Số tiền bằng chữ: Hai trăm linh năm nghìn, bốn trăm năm mươi đồng chẵn		
Nội dung: Lãi tiền gửi.		
GIAO DỊCH VIÊN	KIỂM SOÁT	

Biểu số 2.14: Trích sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH TM và giao nhận Kim Lô
Địa chỉ: số 66 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền,
HP

Mẫu số S03a-DNN(Ban hành theo Thông
tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016
của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
		...				
HĐ 0002010	01/12	Vận chuyển Gạch men Công ty TNHH Xây Dựng và thương mại Thành Luân 97	131	511 3331	10.450.000	9.500.000 950.000
...	...				...	...
PC14	17/12	Chi mua văn phòng phẩm	642 133	111	1.850.000 185.000	2.035.000
GBC 498	30/12	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng	112	515	205.450	205.450
						
		Cộng lũy kế năm			94.636.230.610	94.636.230.610

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.15: Trích Sổ cái TK 515

Công ty TNHH TM và giao nhận Kim Lộ
Địa chỉ: số 66 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền,
HP.

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-
BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

năm 2017

Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu : 515

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu năm</u>			
		...			
GBC 498	30/12	Lãi tiền gửi ngân hàng	112		205.450
		...			
PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	1.443.997	
		Cộng SPS năm		1.443.997	1.443.997
		<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

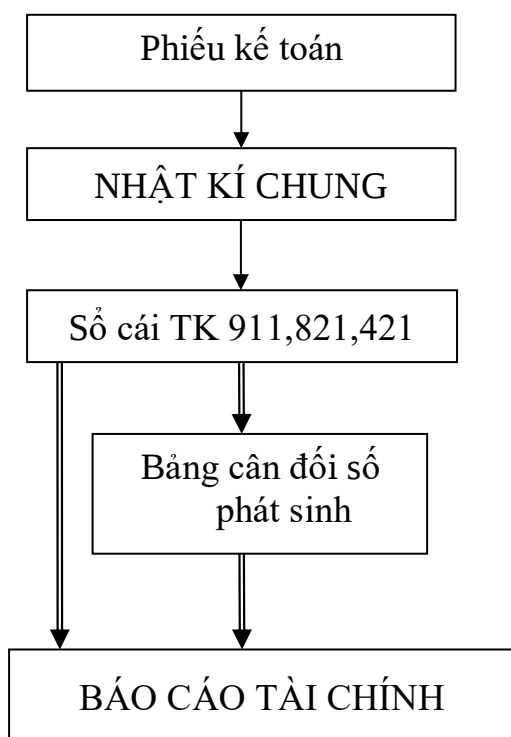
Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại và Giao nhận Kim Lộ.

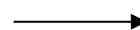
- Chứng từ sử dụng:
 - Phiếu kế toán
- Sổ kế toán sử dụng:
 - Sổ cái TK 911: “Kết quả kinh doanh”
 - Sổ cái TK 821: “Chi phí thuế TNDN”
 - Sổ cái TK 421: “Lợi nhuận chưa phân phối”

* Quy trình hạch toán:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, định kỳ



**Sơ đồ 2.7. Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh công ty
TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ**

❖ Ví dụ minh họa:

Ngày 31/12: Các bút toán kết chuyển cuối năm 2018, căn cứ vào số liệu trên Sổ cái TK 511, TK 515 kế toán tiến hành lập phiếu kế toán số 19 để kết chuyển doanh thu, thu nhập

Biểu số 2.16. Phiếu kế toán số 19

Công ty TNHH TM và giao nhận Kim Lộ
Địa chỉ: số 66 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, HP

PHIẾU KẾ TOÁN
Số: 19
năm 2017

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh và cung cấp dịch vụ	511	911	12.435.076.400
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	1.443.997
	Cộng			12.436.520.397

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.17: Phiếu kế toán số 20

Công ty TNHH TM và giao nhận Kim Lộ
Địa chỉ: số 66 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, HP

PHIẾU KẾ TOÁN
Số: 20
năm 2017

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	11.355.818.292
2	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	963.210.534
	Cộng			12.319.028.826

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.18: Phiếu kế toán số 21

Công ty TNHH TM và giao nhận Kim Lộ
Địa chỉ: số 66 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 21
năm 2017

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Thuế TNDN phải nộp năm 2018	821	3334	23.498.314
	Cộng			23.498.314

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.19: Phiếu kế toán số 22

Công ty TNHH TM và giao nhận Kim Lộ
Địa chỉ: số 66 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 22
năm 2017

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	23.498.314
	Cộng			23.498.314

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.20: Phiếu kế toán số 23

Công ty TNHH TM và giao nhận Kim Lộ
Địa chỉ: số 66 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 23
năm 2017

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế năm 2017	911	421	93.993.257
	Cộng			93.993.257

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.21 Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH TM và giao nhận Kim Lộ
Địa chỉ: số 66 Lê Thánh Tông, Ngõ
Quyền, HP

Mẫu số S03a-DNN(Ban hành theo Thông
tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016
của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT 19	31/12	Kết chuyển doanh thu, thu nhập	511	12.435.076.400	
				515	1.443.997	
				911		12.436.520.397
31/12	PKT 20	31/12	Kết chuyển chi phí kinh doanh	911	12.319.028.826	
				632		11.355.818.292
				642		963.210.534
31/12	PKT 21	31/12	Thuế TNDN phải nộp	821	23.498.314	
				3334		23.498.314
31/12	PKT 22	31/12	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	911	23.498.314	
				821		23.498.314
31/12	PKT 23	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	93.993.257	
				421		93.993.257
			Cộng lũy kế từ đầu năm		94.636.230.610	94.636.230.610

Biểu số 2.22. Trích sổ cái TK911

Công ty TNHH TM và giao nhận
Kim Lộ
Địa chỉ: số 66 Lê Thánh Tông, Ngô
Quyền, HP

Mẫu số S03b-DNN (Ban hành theo
Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày
26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

năm 2017

Tên tài khoản: Kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐ Ư	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu năm</u>			
					
PKT1 9	31/1 2	Kết chuyển doanh thu, bán hàng	511		12.435.076.400
		Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		1.443.997
PKT2 0	31/1 2	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	11.355.818.292	
PKT2 0	31/1 2	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	963.210.534	
PKT2 2	31/1 2	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	23.498.314	
PKT2 3	31/1 2	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	421	93.993.257	
		Cộng số phát sinh năm		12.436.520.397	12.436.520.397
		<u>Số dư cuối năm</u>			

Biểu số 2.23: Trích sổ cái TK821

Công ty TNHH TM và giao nhận Kim Lộ
Địa chỉ: số 66 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền,
HP

Mẫu số S03b-DNN (Ban hành theo
Thông tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

năm 2017

Tên tài khoản: Thuế TNDN

Số hiệu: 821

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐ U'	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu năm</u>			
PKT2 1	31/1 2	Thuế TNDN phải nộp	3334	23.498.314	
PKT2 2	31/1 2	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		23.498.314
		Cộng số phát sinh năm		23.498.314	23.498.314
		<u>Số dư cuối năm</u>			

Biểu số 2.24: Trích sổ cái TK421

Công ty TNHH TM và giao nhận Kim
Lộ
Địa chỉ: số 66 Lê Thánh Tông, Ngô
Quyền, HP

Mẫu số S03b-DNN(Ban hành theo
Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày
26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

năm 2017

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐ U'	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu năm</u>			<u>112.339.220</u>
PKT23	31/1 2	Lợi nhuận sau thuế năm 2017	911		93.993.257
		Cộng Số phát sinh năm			93.993.257
		<u>Số dư cuối năm</u>			<u>206.332.477</u>

Biểu số 2.25.Trích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Công ty TNHH TM và giao nhận Kim Lộ
Địa chỉ:số 66 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền,
HP.

Mẫu số B02 - DNSN (Ban hành theo
Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày
26/8/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết Minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	12.435.076.400	9.186.053.502
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		12.435.076.400	9.186.053.502
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	11.355.818.292	8.353.317.689
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.079.258.108	832.735.813
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1.443.997	464.500
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	-	-
Trong đó: lãi vay phải trả	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		963.210.534	693.328.940
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	30		117.491.571	139.871.373
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. lợi nhuận kế toán trước thuế	50		117.491.571	139.871.373
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	23.498.314	27.974.275
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		93.993.257	111.897.098
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3.**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN KIM LỘ****3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và giao nhận Kim Lộ.****3.1.1. *Đánh giá chung***

Công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ tuy là 1 doanh nghiệp thành lập chưa lâu nhưng luôn có những chuyển biến tích cực trong hoạt động kinh doanh và cũng có chỗ đứng nhất định trên thị trường.

Công ty luôn cố gắng đẩy mạnh việc tìm kiếm những khách hàng mới, mở rộng phạm vi hoạt động, cải thiện cơ sở vật chất và tạo môi trường làm việc tốt cho nhân viên. Chính vì vậy, doanh thu hàng năm của công ty tăng lên rõ rệt. Đó chủ yếu là do sự sáng tạo, năng động của ban giám đốc và sự đoàn kết đồng lòng của các cán bộ công nhân viên trong Công ty.

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu về công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ, được tiếp xúc với thực tế tổ chức kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cùng với sự giúp đỡ của các nhân viên phòng kế toán, em đã có điều kiện làm quen với thực tế và áp dụng, củng cố những kiến thức đã học ở nhà trường. Qua đó, em xin phép được đưa ra 1 số ý kiến nhận xét và giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ.

3.1.2. *Ưu điểm của công tác kế toán tại công ty.*

❖ Tổ chức bộ máy kế toán.

Bộ máy kế toán được tổ chức theo hình thức tập trung nên hoạt động của bộ máy kế toán phát huy được hiệu quả tối đa. Mỗi cán bộ kế toán đảm nhận chức năng, nhiệm vụ riêng, đảm bảo sự chuyên môn hóa, đồng thời phát huy trình độ của mỗi nhân viên.

Bộ máy kế toán được tổ chức gọn nhẹ, hợp lý, hoạt động hiệu quả, đảm bảo nguyên tắc bất kiêm nhiệm và nguyên tắc phân công phiếm nhiệm. Bộ phận kế toán gồm 3 người: một thủ quỹ, một kế toán công nợ và thanh toán, một kế toán tổng hợp rất phù hợp với khối lượng công việc kế toán tại công ty. Thêm vào đó, đội ngũ kế toán có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn (từ cao đẳng trở lên) giúp cho công tác kế toán tại công ty được thực hiện chính xác và kịp thời.

Thông tin do bộ phận kế toán cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời nên việc đối chiếu kiểm tra số liệu với bộ phận kinh doanh và lập báo cáo tài chính được thuận lợi, dễ dàng hơn. Đồng thời giúp cho công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

❖ Chứng từ kế toán.

Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kế toán phát sinh, đúng với mẫu do Bộ Tài Chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán khá nhanh chóng, kịp thời. Việc lưu trữ chứng từ tương đối khoa học và được giám sát chặt chẽ, các kế toán ở phần hành nào thì lưu trữ, đảm bảo chứng từ liên quan đến phần hành đó. Vì vậy tránh sự chồng chéo và đảm bảo nguyên tắc phân công nhiệm vụ rõ ràng.

❖ Sổ sách kế toán.

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung, ưu điểm của hình thức này là khá đơn giản từ mẫu sổ sách đến cách thức vào sổ, thuận tiện cho công tác ghi chép, quản lý kế toán của công ty.

Các sổ kế toán được mở đầy đủ theo hình thức nhật ký chung, được ghi chép theo đúng chế độ, khoa học đảm bảo được yêu cầu quản lý về đối chiếu kiểm tra, từ đó tránh những sai sót.

❖ Tài khoản sử dụng.

Công ty áp dụng theo đúng chuẩn mực trong báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo thông tư 133/2016/TT – BTC của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán ban hành và các thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung.

❖ Về hạch toán kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty:

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời, đảm bảo theo đúng chế độ kế toán hiện hành và nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh. Việc theo dõi hạch toán doanh thu, chi phí như hiện nay là cơ sở quan trọng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

3.1.3. Nhược điểm của công tác kế toán tại công ty.

Bên cạnh những ưu điểm thì tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ còn có những mặt hạn chế sau:

- *Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán:* công ty chưa có chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng thanh toán sớm. Vì vậy chưa khuyến khích được khách hàng trong việc thanh toán công nợ cho công ty sớm đã làm ảnh hưởng đến khả năng quay vòng vốn lưu động của công ty
- *Thu hồi công nợ:* Công ty đã cố gắng để thu hồi các khoản nợ nhưng lại chưa có biện pháp nào để xử lý, khắc phục theo hướng có lợi cho công ty. Trong khi đó, tình hình kinh tế hiện nay thì nợ khó đòi hoàn toàn có thể xảy ra và trở thành nợ không có khả năng thu hồi. Vì vậy công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ có thể tham khảo về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo TT 228/2009TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.
- *Sử dụng phần mềm kế toán trong kế toán:* Hiện nay công ty mới chỉ xây dựng một số phần hành trên chương trình Excel, Word và việc ghi chép còn rất thủ công. Trong khi đó hoạt động kinh doanh của công ty ngày càng được mở rộng, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ngày càng nhiều khiến kế toán công ty phải đảm nhiệm một khối lượng lớn công việc, gây khó khăn trong công tác quản lý, giám sát của bộ phận kế toán trong công ty.

3.2. một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ .

3.2.1. Nguyên tắc của việc hoàn thiện.

– Phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi thì cần đáp ứng các nguyên tắc sau:

– Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của Nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.

– Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành.

– Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

– Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

3.2.2. Giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và giao nhận Kim Lộ

3.2.2.1 Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán

- Công ty cần áp dụng chiết khấu thanh toán bởi vì khi công ty sử dụng chính sách này sẽ giúp cho khách hàng nhanh chóng thu hồi được tiền hàng trước hạn, tránh được tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn và lâu sẽ làm ảnh hưởng tới lợi ích của công ty

❖ Phương pháp xác định:

Mức chiết khấu thanh toán có thể được công ty xây dựng dựa trên thực tế của công ty, nhưng cũng có thể tham khảo của một số doanh nghiệp cùng khối ngành tương đồng về quy mô.

- Công ty cần có những biện pháp thiết thực như:

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thanh toán của doanh nghiệp trong cùng ngành với công ty.

- Công ty cũng có thể xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán dựa theo lãi suất của ngân hàng tại thời điểm phát sinh.

Chính sách chiết khấu thanh toán được xây dựng dựa theo mục tiêu kinh doanh theo từng giai đoạn của công ty. Do đó công ty nên xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp và nên căn cứ vào từng khách mà công ty áp dụng chiết khấu một cách phù hợp nhất

- Chiết khấu thanh toán áp dụng với những khách hàng nợ lớn và thanh toán tiền trước thời hạn quy định, khoản chiết khấu thanh toán này được hạch toán vào TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính.

❖ Phương pháp hạch toán:

- Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

Nợ TK635 : Chi phí hoạt động tài chính

Có TK 111,112,131....

- Cuối kì kết chuyển chi phí hoạt động tài chính sang TK911

Nợ TK911 : Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Có TK 635: Chiết khấu thanh toán cho khách hàng

Ví dụ:

Trong Năm 2017 công ty chủ yếu giao dịch qua tài khoản ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Tại năm 2017, mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam là 6,80%/năm và mức lãi suất cho vay là 10,5%/năm. Để khuyến khích khách hàng thanh toán sớm, công ty nên chọn tỷ lệ chiết khấu thanh toán cao hơn mức lãi suất tiết kiệm, nhưng không được vượt quá mức lãi suất cho vay của ngân hàng. Công ty chọn tỷ lệ chiết khấu

thanh toán là 8,5%/năm dựa theo lãi suất ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Chiết khấu thanh toán được hưởng = Tổng số tiền thanh toán * tỷ lệ chiết khấu * số ngày thanh toán trước hạn.

VD: Ngày 12/06/2017: vận chuyển hàng cho công ty TNHH Tân Phú chưa thu tiền:

Kế toán Định Khoản:

Nợ 131 : 137.979.600

Có 511 : 125.436.000

Có 3331 : 12.543.600

Sau đó Ngày 15/06/2017: Công ty TNHH Tân Phú đã thanh toán toàn bộ 100% tiền cước vận chuyển ngày 12/06/2017, mặc dù hạn thanh toán là ngày 10/07/2017. Công ty TNHH Tân Phú đã thanh toán trước 25 ngày. Kế toán công ty tính chiết khấu thanh toán cho công ty TNHH Tân Phú như sau:

- Số Tiền chiết khấu được tính như sau:

$$8,5\%/360*25* 137.979.600 = 814.462$$

Định Khoản:

Nợ TK635 : 814.462

Có TK111 : 814.462

3.2.2.2 Trích lập dự phòng phải thu khó đòi

- **Dự phòng nợ phải thu khó đòi**: là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán

- **Tác dụng dự phòng phải thu khó đòi**: đề phòng nợ phải thu thất thu khi khách hàng không có khả năng chi trả nợ và xác định giá trị thực của một khoản tiền nợ phải thu lập trên các báo cáo tài chính của năm báo cáo.

- **Cơ sở pháp lý của việc lập dự phòng**: Kế toán căn cứ vào thông tư TT228/2009TT-BTC ban hành 07/12/2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu

tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

- **Điều kiện**: là các khoản nợ phải thu khó đòi đảm bảo các điều kiện sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ; bao gồm: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

- Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

- + Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

- + Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

❖ **Phương pháp lập dự phòng**:

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn,

đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

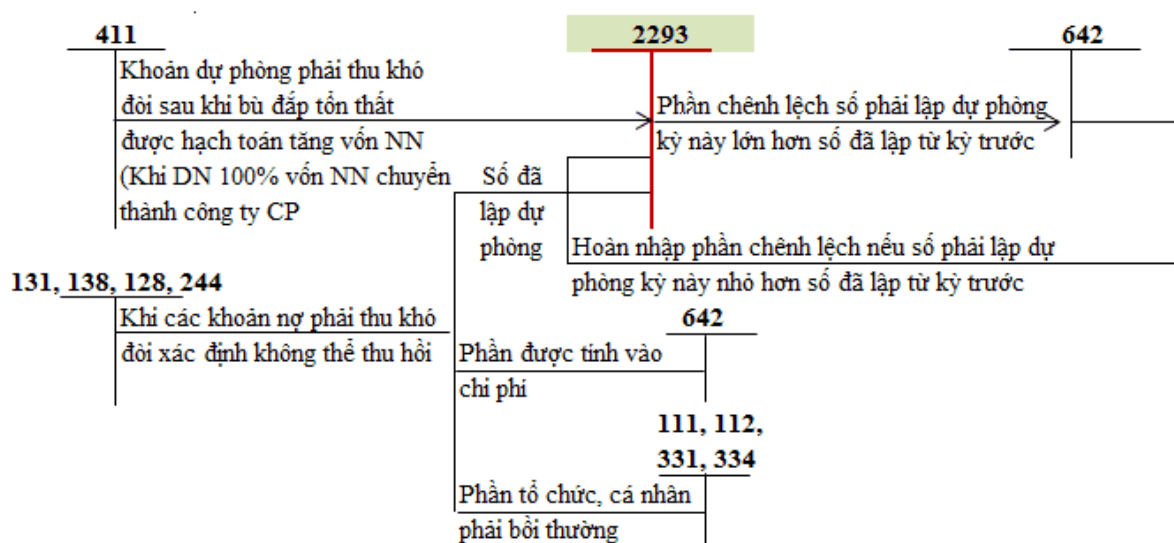
- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

$$\begin{array}{ccccc} \text{Dự phòng phải} & & \text{Nợ phải thu} & & \text{Số \% có khả} \\ \text{thu khó đòi} & = & \text{khó đòi} & * & \text{năng mất} \end{array}$$

- Tài khoản sử dụng:
 - Tài khoản 229 : Dự phòng tổn thất tài sản
 - Tài khoản 2293 : Dự phòng phải thu khó đòi
- Kết cấu tài khoản

Bên Nợ	Bên Có
- Hoàn nhập chênh lệch giữa số dự phòng tổn thất tài sản phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết; - Bù đắp phần giá trị tổn thất của tài sản từ số dự phòng đã trích lập	- Trích lập các khoản dự phòng tổn thất tài sản tại thời điểm báo cáo tài chính.
	<u>Số dư bên có:</u> số dự phòng tổn thất tài sản hiện có ở cuối kỳ.

- Sơ đồ hạch toán



SƠ ĐỒ 3.1. SƠ ĐỒ TỰ HẠCH TOÁN DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI THEO TT 133

Biểu số 3.1 Báo cáo tình hình công nợ năm 2017**Đơn vị :** Công ty TNHH TM và giao nhận Kim Lộ**Địa chỉ:** số 66 Lê Thánh Tông - Ngô quyền - Hải phòng**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN HẾT 31/12/2017**

Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên công ty	Công nợ với KH	Thời hạn thanh toán	Thời gian quá hạn	Ghi chú
1	Công ty TNHH Thương mại Thủy Trần	77.150.000	31/03/2017	9 tháng	
2	Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Anh Hân	102.550.000	28/02/2017	10 tháng	
3	Công ty Cổ Phần FREYR	68.770.900	31/05/2017	7 tháng	
4	Công ty TNHH Tâm Hà Việt	12.745.680	31/01/2017	11 tháng	
..					
	Tổng cộng	637.125.800			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 3.2 Bảng trích lập dự phòng năm 2017**Đơn vị :** Công ty TNHH TM và giao nhận Kim Lộ**Địa chỉ :** số 66 Lê Thánh Tông - Ngô quyền - Hải phòng**BẢNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Năm 2017

Đơn vị tính : VNĐ

STT	Tên công ty	Công nợ với KH	Thời gian quá hạn	Mức trích lập	Số tiền	Ghi chú
1	Công ty TNHH Thương mại Thủy Trần	77.150.000	9 tháng	30%	23.145.000	
2	Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Anh Hân	102.550.000	10 tháng	30%	30.765.000	
3	Công ty Cổ Phần FREYR	68.770.900	7 tháng	30%	20.631.270	
4	Công ty TNHH Tâm Hà Việt	12.745.680	11 tháng	30%	3.823.704	
	Tổng cộng	261.216.580			78.364.974	

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

– Định khoản đối với bảng trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi :

Nợ TK 6422 : 78.364.974

Có TK 2293 : 78.364.974

3.2.2.3. Sử dụng phần mềm kế toán.

Thị trường ngày càng phát triển thì quy mô của các doanh nghiệp ngày càng mở rộng, tính chất hoạt động ngày càng cao làm cho nhu cầu nhận và xử lý thông tin ngày càng trở nên khó khăn, phức tạp vì thế để tăng hiệu quả trong công tác kế toán, công ty nên áp dụng phần mềm kế toán để tiết kiệm thời gian, công sức. Phần mềm kế toán cung cấp tức thì bất kỳ số liệu và báo cáo kế toán nào, tránh sai lệch số liệu, tiết kiệm nguồn nhân lực, chi phí và tăng cường tính chuyên nghiệp của nhân sự làm gia tăng giá trị chất lượng trong mắt đối tác, khách hàng.

- Ít tốn thời gian: phần mềm kế toán được thiết kế giúp các doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và làm thao tác. Đây là 1 trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán.

- Chính xác: các chương trình kế toán có độ chính xác rất cao và hiếm khi xảy ra lỗi. Sai sót duy nhất của doanh nghiệp gặp phải có thể là do nhập sai dữ liệu và thông tin sai lệch ngay từ đầu.

- Dễ sử dụng: hầu hết các phần mềm kế toán đều dễ sử dụng và dễ hiểu. Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm kế toán đều có phần hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán doanh nghiệp có thể sử dụng dễ dàng.

- Khác với việc sử dụng sổ sách công kênh, mất thời gian khi bán hàng, phần mềm kế toán đưa đến rất nhiều tính năng hữu ích hỗ trợ kế toán hiệu quả. Chúng ta có thể kể đến những ưu điểm nổi bật khi sử dụng phần mềm kế toán vào trong công tác kế toán doanh thu chi phí, xác định kết quả kinh doanh như sau:

- Tiết kiệm thời gian

- Công việc kế toán sẽ liên quan đến nhiều số liệu với tính toán phức tạp. Do đó nếu sử dụng phương pháp kế toán truyền thống, công ty sẽ tốn khá nhiều

thời gian để xử lý cũng như kiểm soát thông tin. Với các phần mềm hiện đại, tất cả các dữ liệu về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh sẽ được cập nhật chi tiết và chính xác, giúp tiết kiệm rất nhiều thời gian cho kế toán và công ty

- Tính chính xác cao

- Trong hoạt động kế toán, đôi khi việc tính toán thủ công sẽ gây ra những sai sót dẫn đến nhiều vấn đề khác cho công ty. Sử dụng phần mềm kế toán sẽ hạn chế tối đa sai sót và cải thiện chất lượng sổ sách kế toán cho công ty. Bên cạnh đó dữ liệu sẽ được tổng hợp trên một hệ thống duy nhất, tránh tình trạng sai lệch dữ liệu khi tổng hợp sổ sách trong phương pháp truyền thống.

- Sử dụng đơn giản

- Hầu hết các phần mềm kế toán đều có giao diện đơn giản, giúp mọi đối tượng người dùng đều có thể dễ dàng sử dụng. Công ty chỉ cần nhập dữ liệu vào hệ thống, sau đó với những thao tác đơn giản, công việc theo dõi số liệu và hỗ trợ kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh sẽ dễ dàng hơn rất nhiều.

- Chi phí thấp

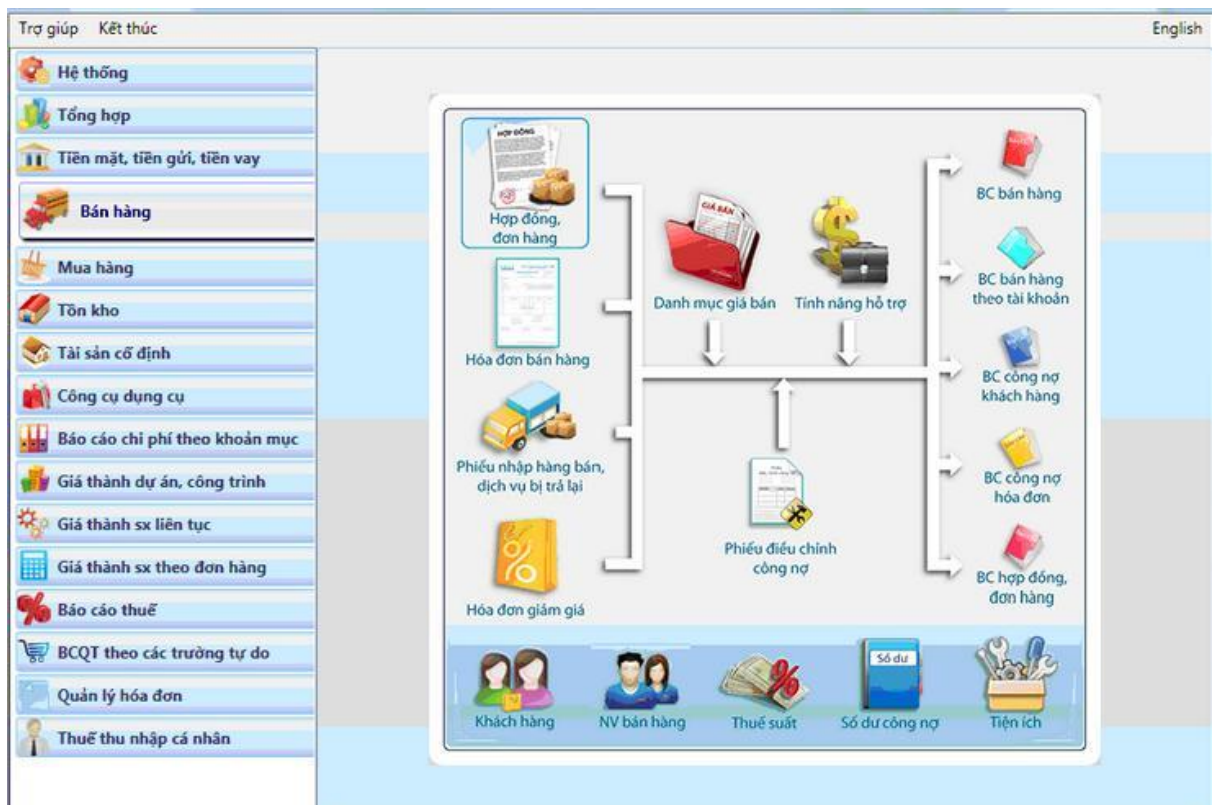
- Một trong những ưu điểm của phần mềm kế toán chính là chi phí đầu tư và sử dụng thấp. Đặc biệt có khá nhiều phần mềm miễn phí để chủ cửa hàng có thể lựa chọn cho công việc kinh doanh của mình. Bên cạnh đó, trong quá trình sử dụng, công ty chỉ cần bỏ ra chi phí rất thấp để sở hữu những tính năng tuyệt vời của những phần mềm này.

- Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như: MISA, FAST, EFFECT, ASIASOFT, ACCNET, LINKQ, BRAVO, 3S ACCOUNTING, 3TSOFT....

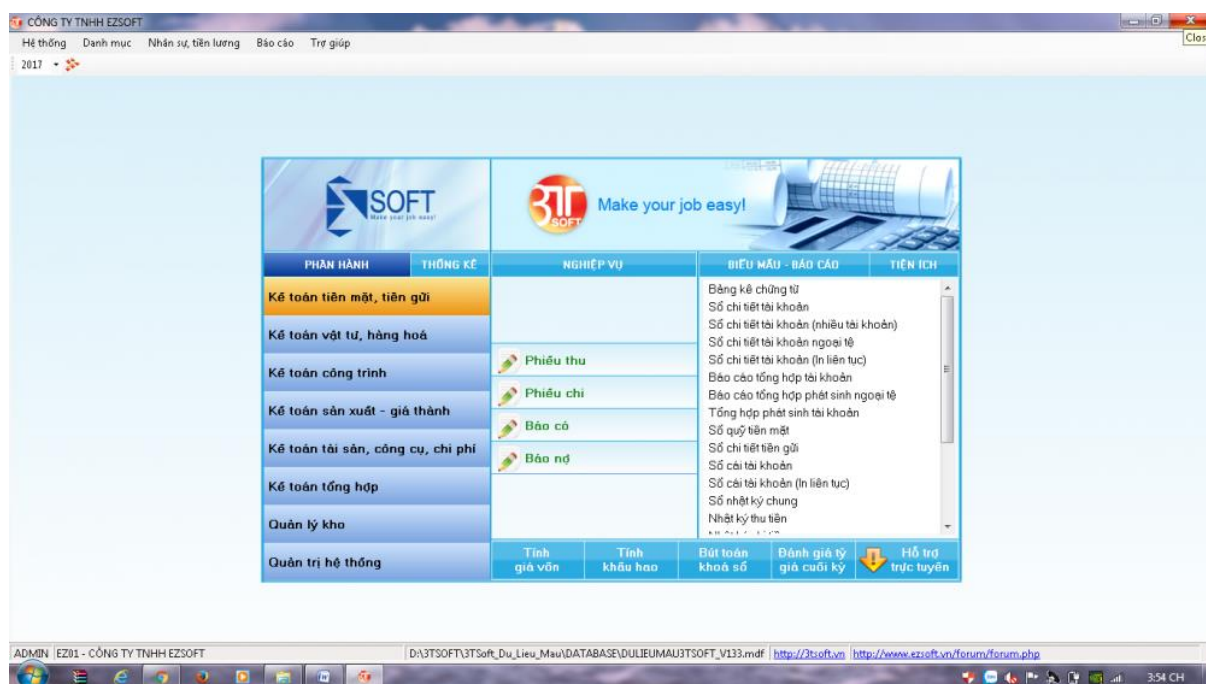
Một số dao diện của phần mềm kế toán:



Giao diện phần mềm MISA



Giao Diện phần mềm FAST



Giao diện phần mềm 3TSoft

KẾT LUẬN

Đề tài đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Đề tài đã mô tả được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và giao nhận Kim Lộ bao gồm tổ chức kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ, tiến hành tập hợp doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Từ đó so sánh với lý luận chung ở chương 1 để đưa ra nhận xét và đề xuất các kiến nghị.

Một số kiến nghị của em như sau:

- Công ty nên sử dụng chính sách chiết khấu thanh toán để khuyến khích khách hàng thanh toán tiền hàng trước hạn, tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn và lâu dài.
- Công ty cần trích lập dự phòng phải thu khó đòi để công ty có nguồn tài chính để bù đắp tổn thất về khoản nợ khó đòi có thể xảy ra trong năm kế hoạch nhằm bảo toàn vốn kinh doanh, bảo đảm cho công ty phản ánh đúng giá trị các khoản nợ phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Công ty nên xem xét việc mua phần mềm kế toán để việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh cũng như việc quản lý số liệu được thực hiện nhanh chóng, gọn nhẹ, hiệu quả và đảm bảo chất lượng của công việc.

Hải Phòng, tháng 5 năm 2019

Sinh viên

Bùi Thị Thu Hương

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Thế Chi (2013), *Giáo trình kế toán tài chính*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Thông tư 133/2016/TT- BTC ban hành ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính.
3. Thông tư 228/2009TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính
4. Tài liệu kế toán của Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Kim Lộ năm 2017